

TRITÂN

TẬP CHÍ VĂN HÓA RA HÀNG TUẦN

Mục lục

* Nhiều áng thơ hay ..	Hoa-Bàng
* Những ông nghề triều Lê (LXVI)	Nguyễn-văn-Tổ
* Triết thi (poésie philosophique)	Minh-Tuyền
* Tùy hứng Nhân huệ vương và Phan thanh-Giản	Trần-văn-Bích và Tân-Phương
* Lê thanh-Tông	Chu-Thiên
* Những người hào-hiệp đời Chiến quốc	Ứng-Hoè
* Xét định sử liệu	K. T. Q.
* Đọc sách	Tiền-Đàm
* Phép đặt đầu bài thơ	Tùng-Vân
* Đại-Nam dật sự (XIII)	Nguyễn-văn-Tổ
* Duyên nợ văn chương	Nề-Uy
* Giả nhời câu hỏi: Tả-quân-Duyệt...	Lê-văn-Kim
* Cháy cung Chương-võ (Tiểu thuyết, VIII)	Chu-Thiên



Tòa Báo : 95-97, phố Chancéaulme, Hanoi

Một năm 12\$ 00 — 6 tháng 6\$50 — 3 tháng 3\$50 — Mỗi số 0\$30

Nhiều áng thơ hay ngày xưa dễ được truyền rộng phải chăng cũng vì tác-giả đi gần đại-chúng?

HOA-BÀNG

THEO lối văn cử-nghiệp ta xưa, người ta thường dùng điển-lịch trong các sách Tàu: nhân-hân trên những trang thêu hoa dệt gấm.

Duy những nhà thơ nào có tính-cách bình-dân và thuần-túy xứ-sở mới hay dùng phong-dao tục-ngữ trong thơ văn đề bêu-dương cái tinh thần đặc-biệt của dân tộc Đại-Việt.

Chẳng nói, các bạn cũng rõ phong-dao tục-ngữ của ta là tiếng của thiên-lai, là hồn của bình-dân, là vang-dội của âm-thanh đại-chúng. Nó đã phổ rộng vào bản dân tiếng nam, nó đã xây vững được địa-vị và giá-trị trong thi văn giới.

Phải, phong dao và tục ngữ đã thấm sâu vào não tủy dân-chúng hàng mấy nghìn năm nay, ai cũng coi nó như câu kinh ni-ật-lặng, nên từ lời nói thường đến câu viết văn-hoa, phần đông người mình ôn dùng nó làm khuôn vàng thước ngọc. Với nó, người ta quen thuộc như bạn thân. Nói đến nó, ai cũng dễ bề lĩnh-hội và nhận thứ.

Vì vậy, phạm ni-ững nhà thơ văn nào có tính-cách như Bạch C - Di muốn cho văn mình được phổ-thông, đọc lên ni-ững hạng bố cu mẹ ở nhà quê cũng hiểu biết được thì thường áp dụng ni-ững câu phong dao tục ngữ đề phò-diễn ý-tưởng trong thơ ca của mình.

Biết cách ứng dụng phong-dao ngôn-ngữ ấy, ta phải kể Xuân-Hương là người đặt rất sành và viết rất khéo dưới ngòi bút tả chân sống, động và đẹp của nàng.

Như hai câu kết trong bài « *Cả nề* »:

« *Quần bao miệng thề lời chiêm-lệch,*
« *Những kẻ không mà có mới ngoan!* »

Đề tả cái sự dở-dang của người cả nề, chưa thấy duyên thiên nhô đầu dọc (chưa chồng), mà phận liễu đã nảy nét ngang (đã có con), tác-giả Xuân-Hương thương cảm cho thân phận con người phải mang « mảnh tình một khối », lại trách thầm ai nhớ hay quên « cái nghĩa trăm năm »

Bài thơ ấy viết được 6 câu, cứ kể cũng đã đủ ý. Chỉ vì nàng khéo vận-dụng thi tứ, có tài khu-khiến phong - dao, nên mới lột được cái ý của phong nhân xưa, hạ được câu kết kỳ-dật như thế.

Cóc để trứng ở bẻ cỏ hoặc rẽ cây bên nóc khi đủ ngày, sinh ra nòng nọc (trời g Nam kêu là cá nhai) Đón khi nhón nhón thì rụng đuôi, lại lên cạn làm cóc. Cho nên tục-ngữ có câu: « *Nòng nọc đứt đuôi* ». Ý nói con nòng - nọc một khi đã rụng đuôi rồi thì thành ra cóc, thế là hết chuyện, không còn khi nào có hi vọng trở lại cái hình tướng cũ. Đó cũng ví như một khi

tắm gương đã vỡ, cái bình đã tan, thì, ôi thôi, còn gì là duyên kiếp nữa!

« *Lăn-lóc như cóc bôi vôi* », cũng là câu tục-ngữ ta dùng đề chỉ về một người nào hay một vật gì đã bị phóng-trục, đã bị ruồng-rẫy, nhưng nó vẫn lăn-lóc quay về. Nguyên người ta thử lấy vôi bôi vào mình con cóc, đem thả ra một chỗ xa, thế rồi lại thấy cóc trở về với cái lốt đã đánh dấu ấy.

Chỉ có hai câu tục ngữ như vậy, thế mà tác-giả Xuân-Hương khéo dùng đề khóc Tống Cóc:

« *Chàng Cóc ơi! Chàng Cóc*
« *ơi! (1)*

« *Cong-cóc đi đâu chẳng bảo*
« *tới! (2)*

« *Nòng-nọc đứt đuôi từ đấy nhé:*
« *Ngán vàng khôn chuộc dất*
« *bôi vôi! **

Nàng Xuân-Hương bị áp-bách về mặt kinh-tế, phải hỏi vay Chiêu-Hồ một bạn thơ ở đương thời, nam quan (3) tiền. Nhưng Chiêu-Hồ chừng có « họ » với chủ Cuội trên cung nguyệt, nên « nói rằng năm lại cọ ba »! Vì vậy, sau khi « *trách người quân-tử hèn-sar-ra* », Xuân-Hương bèn dùng ngay câu tục-ngữ « *Nói dối như Cuội* », mà mát-mẻ Chiêu Hồ:

« *Bao giờ thông-thả lên chơi*
« *nguyệt -*

« *Nhớ hái cho xin nắm lá đa lo*

Câu ấy hay, hay vì tác-giả đã khéo tả - vẽ về phần « thần », « hóa » hẳn được tiếng « Cuội », khiến cho câu thơ ấy trở nên đẹp-đẽ ở chỗ « không thô » và khéo-léo ở chỗ « không lộ ». Thế là nàng đã làm đạt mục - đích: « ngón chỉ giả hữu ý, thánh chỉ giả vô tội » (nghĩa là người nói thì có ý, nhưng không tỏ lỗi gì đối với người nghe)

Lại như trong bài *Cửu lái* có 8 câu, thế mà tác-giả Xuân Hương « lấy chữ » trong tục ngữ đến 5 câu, đủ biết cái tài « chế hóa » của nhà nữ sĩ ấy thần diệu đến bậc nào! Thần diệu ở chỗ làm tan được vị tục mà lọc lấy chất thanh, thần diệu ở chỗ chế biến màu cũ mà làm thành sắc mới lộng lẫy, thần diệu ở chỗ ăn tiêu được đồ ăn của cô nhân mà hóa làm chất tư dưỡng của mình. Xin mời các bạn thử đọc :

Chuyển đồ nên nghĩa sao không
nhiờ !
Sang nữa hay là một chuyển
thời ?

Hay lắm ! Hay vì câu dưới đây lại rằng có hồng sang nữa hay thời mà đã vội qua sông phụ sóng, nên càng làm nổi bật được câu trên dùng tục ngữ « một chuyển đồ nên nhân nghĩa ».

Cũng có tài khéo dùng phong dao tục ngữ như Xuân Hương, thì sĩ Nguyễn Du đã cho chúng ta thấy rõ những chỗ xuất sắc ấy trong truyện Kiều :

Mào tiên đã bén tay phàm,
Thì vin cành quít cho cam sự
đời.

Câu thứ hai có cái hình ảnh « cam và quít làm cho câu văn

nhuộm đầy một vẻ khả-quan, đó chẳng qua vị tác giả Nguyễn-Du đã sử dụng khéo léo được câu tục ngữ : « *Quít lam cam chịu* ». Chỉ vì biết chế hóa tục ngữ, nên nhà Hồng-sơn lập hộ đã thần tả được cái tình tiết lúc nàng Kiều phải bán mình, sa vào tay Mã Giám sinh: nàng là một phẩm đào tiên, thế mà phải rơi vào tay phàm phu tục tử. Thật là do biến cố « *Quít* » làm, « *Cam* » phải chịu tai vạ đau đớn !

« *Mặt cửa mướp đặng* ». Đó là câu tục ngữ dùng chỉ những tay địch thủ cùng đao dề, cùng trả miếng nhau tran-trát, không ai chịu kém ai.

Khi tả về Tú-Bà và Mã Giám sinh, là hai bợm giả kiếm ăn ở miền hoa nguyệt, tác giả truyện Kiều chỉ dựa vào câu tục ngữ trên mà thêm xuyết thêm :

« *Mặt cửa mướp đặng hai bên một phường* ! »

Khiến người đọc đến, biết ngay là một đũa đã quen phong tình và một mụ đã hết duyên ở làng chơi kia thật là một phường ghê gớm trong nghề buôn son bán phấn !

Khi Kiều báo ân báo oán, bắt được Hoạn-thư, là chị vợ cả của Thúc-sinh, đã từng quá ghen làm cho Thúy-Kiều phải trốn đi, tác giả Nguyễn Du chỉ dùng mấy chữ trong câu tục ngữ mà mô tả được bao cái đột ngột, bao cái biến huyền vượt ngoài trí tưởng tượng của người ta :

Vợ chàng quý quá tính ma,
Phen này kẻ cắp bà già gặp
nhau !

Đọc lên, ta hiểu ngay cái cơ-hội gặp gỡ lạ lùng giữa Hoạn-thư và Thúy-Kiều ; Hoạn-thư tình quá như kẻ cắp, Thúy-Kiều yếu ớt như bà già, thế mà tình cờ Kiều lại vớ được kẻ thù xưa ! Thật là một dịp hiếm có. Lúc này không thắng tay trịch, còn đợi lúc nào ? Nhưng nhờ ở lượng bao dung, « *tha cho thì cũng may đời, làm ra mang tiếng con người nhỏ-nhen* », rồi « *bà già* » lại thả « *kẻ cắp* ».

Được thừa hưởng món gia tài thiêng lành đó, nhiều cụ tiền bối gần đây cũng biết « *sử* » được cây bút dùng phong dao tục ngữ một cách rất xảo diệu, như hai câu thực trong một bài *Ngũ thập tự thọ* của một vị túc học đa quá cố :
Vợ cùng tuổi ấy may ngồi ruồi,
Con nhớn phen nay hẳn ỉn mồn,

Đó là « *lấy chữ* » ở trong hai câu tục ngữ này : « *Vợ chồng cùng tuổi, ngồi ruồi mà ăn* » và « *nợ mồn, con nhớn* ».

Như các bạn đã thấy, những áng văn cổ hay, đẹp ngày xưa phần nhiều có dùng và hóa được những câu phong dao tục ngữ, lột lấy tinh thần, rút lấy anh hoa khiến cho người đọc có thể chỉ nhận mấy chữ thấy trong thơ ca ấy rồi nhớ lại cái ý nghĩa của chỗ xuất xứ mà hiểu được tác giả câu thơ văn kia muốn nói gì. Thế là chỉ nhờ bóng mà thấy đợc hình, nhờ vang mà biết có tiếng.

Lối « *lấy chữ* » trong phong dao tục ngữ này đến lớp sau đây đã hiếm thấy trong làng văn hiện đại : âu cũng là một nét biến thiên trong văn chương Việt nam ngày nay.

(Xem tiếp trang 12)

BIA VĂN-MIẾU

NHỮNG ÔNG NGHỀ TRIỀU LÊ

Số 66

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Khoa canh-tuất, năm 1490, hiệu Hồng-đức thứ 21 đời vua Lê Thánh-tông (1460-1497), lấy đỗ tiến-sĩ 54 ông (1). Đỗ đệ nhất giáp cập-đệ là ba ông sau này :

1. — Vũ-Duyệt, người xã Trinh-xá, huyện Sơn-vi, phủ Lâm-thao, trấn Sơn-tây. Lúc nhỏ có tiếng thần-dũng (2). Thi hương đỗ giải-nguyên (thủ khoa). Năm 23 tuổi, thi một lần đỗ ngay đệ nhất giáp tiến-sĩ cập-đệ nhất-danh (trạng-nguyên) khoa canh-tuất 1490. Vua Lê Thánh-tông xem bài đối sách, bảo các thị-thần rằng: « Ngày sau trong nước xảy có việc gì, chắc người này đảm-đương được. » Trước tên là Nghĩa-Chi, vua đổi tên cho là Duyệt (chép trong *Đĩnh-nguyên phát-lục*, bản sao của Trường-Bác-cổ số A 1205, tờ 15 b; còn *Đặng khoa bị khảo*, quyển Sơn-tây, tờ 77 a, chép ông là người tinh-khí trung-trực, giữ chính không a-dua: vua Thánh-tông thường nói chuyện với thị-thần rằng ngày sau trong nước có xảy việc gì, tất người này đương nổi: thế là cùng một câu nói mà hai quyển sách chép hơi khác nhau).

Đầu hiệu Cảnh-thống (năm 1498) làm tham-chính Hải-dương. Trong năm canh-thìn 1520 hiệu Quang-thiệu đời vua Lê Chiêu-tông (1516-1526) thăng Lại-bộ thượng-thư, kiêm Đông-cá-đại-học-sĩ, vào hầu tòa kinh-diện, hàm thiêu-bảo, tước Trinh-khê hầu. Lúc bấy giờ ông 53 tuổi.

Bọn Hoàng-duy-Nhạc làm loạn (Nhạc và Nguyễn-Kính, Nguyễn-Áng đều là bộ-tướng của Trần-Chân; vì Trần-Chân bị giết oan, bộ tướng là bọn Nhạc phục thù). Vua Lê Chiêu-tông chạy sang Gia-lâm, vời Mạc-đăng-Dung đi đánh giặc: Mạc-đăng-Dung xin vua dời đến Bảo-châu (thuộc Từ-liêm). Đổng-ngự-sử là Đỗ-Nhạc và Nguyễn-Dự-can, bị Đặng-Dung giết: việc ấy thuộc vào năm Quang-thiệu thứ ba (1518). Ông Vũ-Duyệt đi hộ-tùng có công, được phong Trinh-ý bình-văn công-thần.

Sau Mạc-đăng-Dung nắm cả uy-quyền, tiếm loạn không kiêng nể gì (như đi thuyền rồng, lọng phượng). Nhân vua Lê Chiêu-tông lánh nạn (vì có bọn Trinh-Tuy và Nguyễn-Sư làm phản) đến làng Mộng-sơn, thuộc huyện Minh-nghĩa, trấn Sơn-tây, ông Vũ-Duyệt đem binh chặn các chỗ hiểm-yếu, cùng chống-cự với Mạc-đăng-Dung.

Mồng một tháng tám năm nhâm-ngọ 1522, Mạc-đăng-Dung tôn Lê Hoàng-đệ Xuân lên làm vua, dựng hánh điện ở Gia-phủ, Trinh-Tuy theo Mạc bắt ép vua Lê Chiêu-tông vào Thanh-hoa (lúc bấy giờ vua Lê Chiêu-tông phải chạy, nay đây mai đó, năm sáu năm không có chỗ ở) ông Vũ-Duyệt và môn-đệ là Nguyễn-mãn-Độc người Xuân-lũng huyện Sơn-vi, trấn Sơn-tây, đỗ bằng-nhãn khoa mậu-dần 1518, hiệu Quang-thiệu) ở hành điện (làng An-quyết) cố giữ, sau biết thế không địch nổi,

đem hương-bình đi theo, đến Thanh-hoa lạc mất chỗ vua ở, ông Vũ-Duyệt mặc mũ áo, ngảnh vào lãng miếu Lam-sơn, rồi tự-tận, cả thượng-thư là Ngô-Hoán (sẽ nói dưới này) cũng tử tiết lúc bấy giờ. Đến năm Cảnh-trị thứ tư (1666) đời vua Lê Huyền-tông (1662-1671), khen thưởng tiết-nghĩa, cho làm đệ-nhất công-thần, phong thượng-đẳng-thần, dựng đền thờ ở làng ông, đến năm Gia-long thứ 16 (1817), gia phong thượng-đẳng phúc-thần (2). Có chín bài thơ cận-thể còn chép trong bộ *Toàn-Việt thi-lục* của ông Lê-quí-Đôn (bản sao của trường Bác-cổ, số A 1262, quyển 15, tờ 22 b; chín bài ấy nói về việc bãi yết Sơn-lãng, — nhớ công-nghiệp đức Thánh-lô, — lên điện Quang-đức cảm-hứng thành thơ, — ngự nhà Kiến-thụy, — sớm ngày nhổ neo sông Thiên-vực, — dừng chân châu Thúy-ái (sáu bài ấy họa vãn thơ vua Lê Thánh-tông), — viếng bà Quang-thục hoàng-thái-hậu, — viếng vua Lê Thánh-tông, — đi hộ-tùng vua Lê Chiêu-tông đến Bảo-châu cảm khái thành thơ.

2. — Ngô-Hoán, người xã Thượng-đáp, huyện Thanh-lâm, phủ Nam-sách, trấn Hải-dương. Năm 31 tuổi đỗ đệ nhất giáp tiến-sĩ cập-đệ nhị-danh (bằng-nhãn) khoa canh-tuất 1490. Năm giáp-dần 1494, đang chức Đông-cá-biểu-thư dự Tao-đan nhị-thập-bát tú Năm ất-sửu 1495 hiệu Đoan-khánh, làm hiến-sát-sứ trấn Thanh-hoa. Đầu hiệu Hồng-thuận (1509) đời làm thừa-tuyên-sứ. Chưa bao lâu thăng Lại-bộ thượng-thư. Năm nhâm-ngọ 1522 hiệu Thống-

nguyên, Trịnh-Tuy (bọn thần nhà Lê sau theo Mạc) bức vua Lê Chiêu-tông vào Thanh-hoa. Bày-tôi nhà Lê theo vua đi thì ít, a-dua với Mạc thì nhiều. Năm ấy ông Ngô-Hoán đã 63 tuổi. ông theo vua Lê Chiêu-tông vào Thanh-hoa. Năm sau đánh quân Mạc, bị thua. Vua Chiêu-tông chạy sang Ai-lao, ông một mình đi bộ theo. *Đặng khoa bị khảo* (quyển Hải-dương, tờ 58 b-59 a) chép ông « mấy năm chạy nạn, khổ sở mà lòng vẫn như sắt đá; sau ông tuấn-tiết tự-tử. Đời trung-hưng phong-thưởng những bậc trung-thần nghĩa-sĩ, ông được truy phong Suy-trung công-thần, gia-phong thượng-đẳng phúc-thần, lập đền thờ, muôn đời để lại tiếng thơm...». Ông có 13 bài thơ cận-thể còn chép trong *Toàn-Việt thi-lục* (quyển 15, tờ 29 a); nghĩa những đầu bài ấy là: tướng sĩ nhớ nhà, — động Lục-vân, — người anh-tài, — nhớ công-nghiệp đức Thánh-tể, — lên điện Quang-đức cảm khái thành thơ, — ngự nhà Kiến-thụy, — dừng chân châu Thúi-ái, — đạo làm vua, — tiều làm tôi, — pháp-cung cảm hứng thành thơ, — khí lạ, — văn-nhân, — hoa mai, đều là thơ họa văn vua Lê Thánh-tông.

3. — Lưu-ngạn-Thư, người xã Đa-nghi, huyện Vĩnh-lại, phủ Hạ-hồng, trấn Hải-dương. Đỗ đệ nhất giáp tiến-sĩ cấp-đệ tam danh (thám hoa) khoa ranh-tuất 1490. Bắt đầu bổ Hàn-lâm-viện đãi-chế, dự Tao-đàn nhị-thập-bát tú, làm quan đến thị-lang (*Đặng khoa bị khảo*, quyển Hải-dương, tờ 49 a). *Đặng*

CÁC NHÀ HÀNG-SÀN HÀNG TÂM !

Mùa đông tới, biết bao người nghèo, khổ đã bị ma đói hành-hạ, lại sắp bị thần rét ra oai, manh quần, tấm áo che thân không đủ, phỏng chịu sao nổi những cơn gió rét cắt ruột ;

Ban « Cứu-Tế mùa đông » đã thành lập, do 5 Hội Thiện và 3 nhà báo hàng ngày ở Hà-Thành hiệp lại kiếm tiền để may 3 vạn quần áo rét phát cho người nghèo ở Hà-nội.

Cứu-tế đồng-bào là nghĩa-vụ chung, mong các nhà từ-thiện khắp các giới sẵn lòng giúp sức ban Cứu-tế mùa đông để tiến hành công cuộc cho được kết quả mỹ-mãn.

Văn-phòng của ban Cứu-Tế mùa đông đặt tại Hội-quán Hội Hợp-Thiện 125 Boulevard Henri d'Orléans Hà-nội. Đây nói số 598 và các số 247, 344.

Thư từ hay ngân-phiếu xin gửi cho ông Hoàng Hữu Huy, ủy-viên trưởng-trực.

Ban Cứu-Tế mùa đông Hà-nội kính Cáo

khoa lục (quyển 1, tờ 37 a) chép làm quan đến Hàn-lâm-viện đãi-chế.

(Còn nữa)

Ứng-hoà NGUYỄN-VĂN-TỐ

1) Khoa canh-tuất 1490 chỉ thấy chép tên các ông đỗ ở quyển *Đặng khoa lục* (sách in) còn quyển *Lê triều tiến-sĩ để danh bi-ký* (sách viết) thì không thấy chép văn bia khoa ấy, và cả tên khoa ấy cũng không chép: như thế có lẽ mất bia đã lâu.

2) Nhân kỳ soạn *Tri Tân* ra một số riêng về thanh-miêu, tôi lấy quyển *Tang-thương ngẫu lục* (quyển hạ, tờ 25 b) ra dịch chuyện voi đất của ông Vũ Duệ để đọc giả xem qua một « chuyện nhân-dồng ». Xưa nay, tôi không chép những chuyện có tính-cách truyền-kỳ, vì xét ra không có ích-lợi mấy cho sự-học. Chuyện voi đất của ông Vũ-Duệ như sau này : « Trạng nguyên Vũ-công Duệ (chữ công đây nghĩa là ông, do người làm sách tôn-xưng ông nên chép thế, chứ không phải chữ dăm) là con nhà

làm ruộng ở làng Trinh-xá, huyện Sơn-vĩ. Lúc nhỏ, cha mẹ ra ruộng vắng, ông cùng các trẻ con chơi đùa, lấy đất nặn con voi, bắt con bướm làm tai, cầm con đĩa làm vòi, lấy bốn con cua làm bốn chân đi. Đang chơi, có người đi nợ đến cửa, hỏi : « Cha mày đi đâu ? » ông đáp : « Đi giết một người ». Hỏi : « Mày đi đâu ? » ông đáp : « Đi sinh một người ». Khách lấy làm lạ, gạn hỏi, ông đòi tiền thưởng, khách nói : « Ta không nói dối; hãy nói rõ, ta cho nhà mày món nợ ấy ». ông đưa một nắm đất, bảo người khách ấn tay làm tin, khách miễn-cương làm theo. ông cười, rồi đáp rằng : « Có gì đâu ! Cha tôi cắt mẹ, mẹ tôi cắt mẹ : ấy giết người, sinh người là thế ! » Khách lấy làm lạ, lui về. Đến ngày kháo, lại đến hỏi nợ, ông đem nắm đất hôm nợ ra : khách không nói gì được hết, chỉ khuyên cha ông nên cho ông đi học, sẽ thôi không đòi nợ nữa, để tiện giúp vào sự học của ông »

Triết-thi (poésie philosophique)

MINH-TUYÊN

Triết-thi, hay là thơ triết-học, là một thể thơ có mục-dịch phổ-diễn những quan-niệm về tào-hóa, về vũ trụ về thời-gian, về nhân-sinh. Nó đem màu tôn giáo hay lý-h-sử hay khoa học, triết-thi, theo như danh của nó đã mang, bao hàm tu-ti-ong nhiều hơn là tình-tình và tình-ái. Đáp mạnh vào lý trí, bứt chộp ni-oảng vào tiềm-thức, cọ sát vào ý-trí để làm nảy ra những luồng điện tinh-thần hân-hỉ. Nó căng thẳng và rút hẹp tưởng tượng trong những mực vô cùng vĩ đại, vô cùng tế-tĩ; tưởng tượng có khi bao-quát cả không gian, có khi thu-linh trong nguyên-tử, trong những thế-gới kỳ-khởi của nguyên-tử. Nó làm rung động những giây tinh-cam, nó được gần, gọi-hất và chủ nay bắt trong như g lúc người ta thoát ra khỏi cái ngục bảo ngã-om-tôi, chật hẹp, nồng mũi phàm-tục, rगत किंदे-हैन.

Nếu có một đối tượng chung với siêu-linh-lạc, triết-thi tất nhiên phải có tính-cách tổng-quan và phổ-biến của triết-học. Nhưng với một bản thể đặc-biệt, với những phương-pháp cấu-tạo nên bản thể đó, triết-thi có một hình-dạng, một khuôn-lẽ không lẫn với triết-học.

Muốn giải-quyết một vấn-đề nào trong phạm-vi của nó, triết-học phải sắp-dặt lý-luận, phải trình-bày chứng-cớ một cách có-lên-lạc chặt-chẽ, có đầu đuôi gãy-gọn. Triết-thi chỉ cần những bức tranh linh-động, những hình-ảnh, khi đứng rời-rạc, khi ngời lẩn-lộn, khi

xếp hàng có thứ-tự, để đi đến một kết-cảnh chung với triết-học.

Triết-học quan-sát căn-bản, so-sánh tỷ-mỷ, rút-ra những định-luật, những nguyên-tắc của triết-thi làm nổi bật lên trên tâm-lựa bậc ý-thức bằng sự liệt-nhị qua cái toàn-thể, sự chú-ý vào nấy đặc-điểm, sự phân-phép vào những điểm đó một sức sống, một sức biến-hoá dưới những màu-sắc, hoà-hợp với nhau êm-ái, hay phản-ứng nhau đột-ngột.

Những hình-ảnh và những bức tranh đó sẽ, tùy trường-hợp, hiện-hiện ra một cách rõ-rệt hay mờ-mờ, để làm nảy ra những tư-tưởng có trình-độ quan-hệ theo ngôi-thứ của chúng khi hợp-đặt để lập thành một hệ-thống tư-tưởng, một lý-thuyết.

Vậy triết-thi phải có một nhạc điệu thích-hợp với nó. Nhạc điệu ấy không thể sao giống được nhạc điệu của lời thơ tả-tình và tả-cảnh.

Hiện-nhiên là trong kho-tàng thi-ca nước ta, ai cũng có thể lựa-lặt được rất nhiều câu thơ có nghĩa-lý vừa thâm-trầm, vừa cao-siêu, khi đọc lên, rất du-dương, nhuần thấm, thuộc về phạm-vi tâm-lý, hoặc luân-lý, hoặc tôn-giáo, hoặc xã-lợi; những đấy chỉ là những mầm mống thừa-thốt, tản-mác, để đưa thi-giới ta đến chỗ này một thể thơ triết-học chân-chính. Những câu thơ triết lý đó mọc lên ở thể thơ khác với giọng thơ chính-thống của chúng, và chỉ được vun-sới, chạm-bổn, không

phải để làm một phần-tử, một yếu-tố của một lâu đài triết-học hào, mà chỉ để cho cái thể thơ chứa đựng chúng được phớt-quá, trải qua lý-mẫu triết-học, cho nên những câu thơ đó đều bị cái nhạc điệu của thể thơ bao hàm chúng xô đi, kéo đi, biến-hoá đi, làm chúng không giữ được như điệu hoàn-toàn của triết-thi.

Nhiều khi lập-luận, chỉ trong giới-hạn một vài câu thơ, triết-thi phải tóm-tắt một tôn-giáo xưa hoặc một học-thuyết cũ, hay phải rút-ra, ở sự pha-trộn các nguyên-tắc, các định-lý, một vài tư-tưởng mới. Nhưng khi đó, triết-thi phải dùng nhiều danh-từ trừu-lượng trong câu thơ làm cho câu thơ có vẻ khô-khẩn. Nhưng nếu khô-khẩn ở hình-thể — khi ta mang đối chiếu nó với câu thơ trữ-linh nào chẳng hạn — mà lại đóng được vào khuôn một cách chặt-chẽ, tròn ra tròn, vuông ra vuông, cạnh góc rõ-ràng, những ý-tưởng muốn diễn-đạt, thì câu thơ đó, đối với triết-thi, lại có một giá-trị toát đáng chú-ý, vì đấy là những tia sáng rơi vào cõi tinh-thần, vào những nếp óc sâu thẳm, bản-thể của lý-trí, của khiếu suy-luận, phán-đoán, hồ-nghi và quyết-định. Lúc đó, nhạc của câu thơ cũng có một giá-trị đặc-biệt: có cái nhạc thích-hợp với nó, câu thơ ấy mới đạt được mục-dịch, mới trở nên thành một tia sáng; và câu thơ đó không phải được tạo nên, để dụ-người ta ngủ, để đưa người ta vào cõi-mộng tình đầy khoái-lạc, để làm thư-thải tâm-hồn, nhưng trải lại, được tạo nên để lý-trí có cái đá mà vận-dụng một phần to cái lực-lượng tiềm-tàng

của nó, để trí nhớ phải lay chuyển đến nền móng, để trực giác phải luôn-luôn kích-dộng, đồ kho tàng tri-thức như đang ở trước mắt, một bàn tay bí mật.

Những kinh, kệ, những bài giáo-huấn viết bằng yâp-xân, hoặc để truyền giáo, hoặc để dạy luân lý, không thể liệt vào triết-thi được, nếu không có tinh-cách tổng-quan và phổ biến của triết-học, và không có đối-tượng của siêu-hình-học.

Ngoảnh tại nhìn biến văn-học nước ta ngày nay, chúng ta nhận thấy, từ nơi xa lắm, một cường phong nổi dậy, thốc tới, đang thúc-giục, đang lôi-kéo, đang xô đẩy một số ít thanh-niên trí-tử đi về một phương, nhằm theo một điếm. Đó là xu-hướng khảo-cứ triết-học Đông Tây và phiên-dịch những sách triết-học, ngoại quốc ra tiếng Việt. Xuy-hướng đó về mười mười lăm năm trước, chỉ có ưnh cách cá nhân cô lập đến nay thì càng ngày càng mở rộng phạm-vi, càng biến-lộ những triệu-chứng có thể trở nên một phong-trào.

Những tác-phẩm của bác dịch-giả và của các nhà biên-khảo, đã xuất-bản, đều chứng thực mấy điều nhận xét này:

a) cách dùng danh-từ triết-học chưa được nhất-trí;

b) sự nhập-cảng những danh-từ

triết-học Trung-hoa mỗi ngày một nhiều;

c) sự nhập-cảng ô-ạt, đồ thiếu

sự hiểu biết, sự hiểu biết

a) sự tự dưng, sự tự dưng

mới cũng không kém như cách

cấp-bách thiếu vững-vàng, mà

niệu kiến còn có vẻ « hiệu linh ».

Cái « traug'it at triết học » của

nhà văn-học nước ta, đó, là một

cái phải có, không thể tranh được.

Nó không đáng phàn-nản. Nó chỉ

đáng ngại là « chủ ý »: nó hiện

hình ra không phải để giữ nguyên

bộ-diện, dáng dấp, mà để biến cố,

thay đổi theo sức sốt-sắng thời-

phụng quốc-văn, sức khai-khân

hững miền đất bỏ hoang trong

rừng văn-học, của thanh-niên

ngày nay.

Trước tình trạng văn học đó,

hững độc giả nào, chỉ quen đọc

sách triết-học Pháp là ít đọc quốc

văn, đến khi, đọc những sách

triết-học biên-dịch của ta, phải

tồn công tra-cứu xem mỗi

đơn từ triết-học là có một

tương đương nào, trong tiếng

Pháp.

Những độc giả nào, không đọc

sách triết học Pháp mà muốn hiểu

biết triết học, bằng sự đọc sách

biên dịch của ta, đều phải vượt

những bước khó-khăn, đạt nhiều

sự cố-gắng, trong lúc « đi săn

kiến-thức », vì thiếu-thốn những

từ điển cần dùng. Hiện nay, những

từ điển khả dĩ giúp ích được đôi

chút thì lại hết, chưa tài bản; còn

tự điển mới in ra lại sơ lược quá.

Muốn cho nghiêng-ngả, cho xô

đẩy về nghiên-cứu triết-học được

mang danh là một phong trào

đáng ghi trong lịch-sử văn-học

nước nhà, không lúc nào như lúc

này, các học-giả ta cần phải góp

sức nhau để biên-lập một bộ từ

điển triết-học xứng đáng với tên

của nó.

Người biên: giữa lúc văn

học còn lung túng, lộn sộn trong

sự biên soạn sách triết học, triết-

thi ra đời, tất nhiên là sớm quá,

khó mà đạt được mục-dịch. Câu

nói đó không phải không có lý.

Nó càng hữu lý khi viết thì rơi

vào tay những người vừa nay chỉ

quen đọc thơ trữ tình ủy-mỹ, và

những văn thơ êm như gió, nhẹ

như mây, để được thoải-tai, để

giải trí, để dự lòn. Gặp triết-thi,

họ đọc một vài câu đầu, họ đã

muốn vứt đi rồi, họ giở qua trang

giấy, họ nhìn đến vài câu cuối, họ

bỏ đi, thế là một câu

phê-bình mỉa-mai, chua-chát, bay

ra từ cửa miệng họ để mong bóp

chết một thể thơ mà họ ghét, ghét

đáng ngay từ lúc mới nghe

đến tên nó.

Cùng với các nhà phê bình cũ

chính, chỉ phê bình sau khi

đặt mình vào địa-vị họ ghét

bi phê-bình, người viết triết

thi nhận thấy rằng: trong cái

trạng-thái triết-học hiện thời của

văn-học nước ta, triết-thi gần phải

được chú ý đến, được lên luận

bởi nhiều tay, được xuất hiện trong

bất cứ thời kỳ nào của triết học,

và chúng ta chỉ nên nhớ muốn chứ

không nên lo sớm quá, còn thí-giã

và nhà xuất bản thì chẳng nên

quan tâm thắng bại, chỉ nên chú

trọng vào chỗ sống, chỗ tận-

tâm, chỗ hy-sinh của cách sử dụng

cây bút. Vì chỉ có cái bại của cá-

nhân nọ đến cá nhân-kia, của thế

hệ nọ đến thế-hệ kia, mới nảy ra

cái thành-công phục-từ văn-mơ

màng ngóng đợi.

MINH-TUYẾT

Muốn làm giàu mua vé số

Đông Pháp

1p.00 một vé

Tùy hứng**NHÂN-HUỆ - VU'ÔNG**

Thuyền trắng lơ lửng biển trời,
 Không chèo, không lái, không người nhặt khoan
 Đèn sao mờ tỏ bên ngàn,
 Sương lam nhè nhẹ rung màn cây xanh.
 Đường khuya khúc khuỷu gấp-gềnh,
 Suối ru ngọn cỏ bên duềnh xa xa.
 Xa xa, tỏ tỏ, mờ mờ,
 Bóng nai sợ sệt thập thò trong cây.
 Tiếng gấm hồ dơi đầu dây,
 Tiếng ve, tiếng vượn xa bay rộn hồn.
 Đèo cao, gối mỏi, gót chồn,
 Tiều-phu rỏ nẻo cô-thôn lần về...

Lưu la... nhớ những đêm hè,
 Trên lầu, sau cánh màn the, ai ngồi,
 Lặng nghe, diu-dặt bên trời,
 Lời tiều thân-ái, tuyệt vời ru bay...
 ..Gió đưa hồn mộng lên mây,
 Hoa thơm quyến gió, lòng say men tình...
 Đã tư cùng mảnh hồn trinh
 Bước theo nghệ-sĩ tới đình Tuy-tiên,
 Công-nương đứng tựa bên rèm,
 Khánh-Giư sav đắm trước thềm đứng mơ...
 Gần xa im lặng như tờ,
 Hằng-nga gương mắt tò-mò trên không...
 (Trăm năm, ai chả mơ màng ?
 Ngủ in năm...ai thoát khỏi vòng ái-ân ?...)
 ...Ngồi đầu tai ác-muôn phần,
 Ai chia loan-thủy, cung-cầm lỗi giây.
 Chỉ-linh, Nhân-Huệ đi đây,
 Tháng ngày cơ-cực dạn-giầy tắm thân.
 Ba năm ..nếm vị phong-trần,
 Ba năm...đốn củi đốt than ngậm sầu.
 Giọng tiều hồn tử canh thâu,
 Sột sà khóc vết thương đầu tình-duyên,
 Những lo thẹn với lời nguyên,
 Rừng sâu làm mộ thiều-niên anh-tài,
 Trạnh lòng tưởng đến ngày mai,
 Chín hồng trái gió, trách ai cơ-cầu l....

Nhưng không, ...một cuộc bề dàu...
 Đất bằng nổi sóng, quân Tàu cường hung,
 Kéo sang những rấp xung hùng,
 Quân-dân Nam-Việt : côn-trùng sá chi !
 Nước non rợp bóng tinh-kỳ,
 Thoát-Hoan nanh-ác, Mã-Nhi tham-tàn.
 Quân lương thuyền đổ chan-chan,
 Đầy sông kinh-ngạc, chạt ngàn tỳ-huất...
 Nhân-Tôn cảm tức đến điều,
 Thuyền nan mẩu-dẻ dành liều sóng khơi.
 Lộc-châu, tan chạy tơi bời,
 Thiên-trường, danh tiết một đời trung-trinh.
 Truân-chuyên coi nhẹ thân mình,
 Hưng-đạo-vương, quyết tận tình phò vua.
 Giao phong, được được, thua thua,
 Dưới trời Tây-kết, Toa-Đô đời tàn.
 Ngự-thuyền ra bến Bình-than,
 Vua tôi bạc tóc, luận bàn tấn công.
 Ngắm trông mây nước mịt-mùng,
 Cảm tình luân-lạc, đau lòng Quốc-gia.
 Bổng đầu trên bến cát xa,
 Tay chèo, miệng cất lời ca ai-hoài,
 Một người lam-lũ, tả-toi,
 Chở than, lao khổ, mồ-hối dã-dề...
 Động lòng xót cảnh dân quê,
 Quân-vương vẫy lại võ-về hỏi han.
 Nào hay trí-dũng kiêm toàn
 Xét tài thao-lược xứng hàng tiết-mao.
 Rằng : « Người quê quán nơi nao,
 Bởi đâu nổi phi tài cao không dưng ? »
 Cui đầu, Nhân-Huệ ngại-ngùng,
 Trần-tình một khúc, tỏ lòng cần-vương.
 Vua nghe, tảo dạ người thương,
 Cho theo dưới trướng, kiếm đường lập công.

PHAN THANH-GIẢN?

« An nguy tại thử cũ
Khảng liệch kinh luân thuật ! »
(Vua Tự - Đức)

Vận nước đang cơn lửa cháy mảy
Cửu trùng thì phủ mãi mê say.
Lá dâu càng khuyết tằm thêm tròn,
Còn sót trung thần được mấy tay ?

Kinh-lược khâm sai trấn cõi Nam
Thân tàn trung-dĩnh sá chi ham.
Rau vi vi bằng như ai trước
Hang núi mai-tàng ắt đã cam.

Sáu cảnh giang-sơn chốc lẽ ba,
Đan tâm héo-hắt buổi giao hòa,
Mạng Vua dễ nhục, tôi muôn thác,
Chưa dễ lăm dền nợ quốc-gia.

Tưởng chuyện êm lành vậy đã xong,
Ngờ đâu lại tiếp cuộc tranh phong.
Một đàn « văn nhược » sao cho khỏi
Xương trắng sa-trường chắt bại vong.

Râu tóc bơ-phờ nhuộm lạnh sương,
Đèn chong hiu-hắt mấy canh trường,
Binh-thơ tay ốm run run dở
Lệ máu tuôn đầm trượng thấm trượng.

Lộc nước từ khi đạo ngự-viện,
Biết bao mưa-móc đượm bình yên,
Biết bao nhàn lạc, than ôi, dễ
Trơ mắt ngày nay cảnh đảo-diên.

Châu-chấu dương càng trước bánh xe,
Ừn ừn lửa dấy khắp đông tê,
Một trời vô-dĩnh giăng mây khói,
Cờ-xi thành cao động não-nề.

Hịch mời truyền ra, bị bỏ vầy,
Gió cuồng thổi rạp ngọn muôn cây,
Tuốt grom then, bấy grom-ba thước,
Chúa hồi l xin nguyên vẹn thảo ngay.

Độc-được pha rồi, nghiêm áo niăo,
Quay về bắc-khuyết mờ non xa,
Lễ dàng năm lạy Trời soi vết,
Chẳng được theo cùng Hán Phục-Ba :
Tủi thân đeo ấn, nhục thay mà
Ngựa nào đâu bọc thầy lẫn da !

Xót tình quân-sĩ giao thành yếu,
Trọng nghĩa vua-lời bủy kiếp già.
— Các người đừng khóc, đừng ai khóc,
Hi-sinh cam phận một mịch ta.

TÂN PHƯƠNG

« Can-qua, khỏi lửa dùng dùng,
Thiếu chi dịp để anh-hùng ra tay.
Quân Nguyên sắp kéo tới đây,
Hãy đem quân thủy ra ngay Vân-dồn.
Phục binh, dựa thế núi non,
Lấy đầu Trương-Hỗ, chặn lương quân thù,
Rồi đây ... rặng nghĩa khuyển-phù,
Nghìn thu vang tiếng Kị-anh-Dur họ Trần.

Rồi đây, dưới bóng thị Hăng,
Bên hoa, lại dạo khúc đàn Tương-Như,
Rồi đây ... bầu rượu túi thơ,
Trúc-tiểu du những phút giờ yêu đương... »
Hôm nay Tráng-sĩ lên đường,
Hôm sau báo-tiếp quân Trương tan tành.
Vân-dồn muôn thuở lưu danh,

TRẦN-VĂN BÍCH

NƠI SINH VUA ?

LÊ THÁNH - TÔNG

của CHU THIÊN

Vua Thánh-tông nhà Lê tên húy là Tư-Thành lại có tên là Hiệu là con thứ tư và út vua Thái-tông, em Lạng-sơn vương Nghi-Dân, Cung vương Khắc-Trong và vua Nhà tông Bang-Cơ. Ngài sinh vào giờ Sửu ngày mùng 11 hai mươi tháng bảy năm nhâm-tuất, niên hiệu Đệ-bảo thứ ba tức là năm 1442 Tây-lịch. Mẹ là bà Tiệp-Dư Ngô thị Ngọc Giao, con gái Ngô Tử theo vua Thái-tổ bình Ngô có công được phong chức Thái-bảo, người làng Động-bàng huyện An-dịnh lộ Thanh-hoa (Thanh-hóa bây giờ). Về nơi sinh của ngài mỗi sách chép một khác. Trong *Khâm định Việt sử Cương mục* chép rằng ngài ở cung Khánh-phương là nơi vua Thái tông dành riêng cho bà Ngô thị Ngọc-Giao khi đờc sách phong làm Tiệp-Dư. Sách *Lê kỷ lục biên dã-sử* (sách của trường Viễn Đông Bác cổ) lại chép dài hơn như sau này :

« Xưa bà Tiệp-Dư cầu sự, mơ thấy đức Thượng đế sai một tiên-dông xuống làm con bà, và cho làm vua nước Nam. Tiên-dông chê nước Nam nhỏ không chịu đi. Thượng đế bèn cho thêm đất nước Chiên-phần nữa. Tiên-dông cũng vẫn không chịu đi. Thượng đế giận, cầm cái hột ngọc đánh vào trán tiên-dông chảy máu ra. Rồi bà có mang mười hai tháng chưa đẻ. Vua (Thái-tông) giận sai chửi ra ngoài vườn hoa giương cung

ngắm thẳng bụng toan bắn. May gặp anh họ vua là Lê-Khang (1) can thối. Vua bèn cho giam xuống chuồng ngựa. Đêm hôm ấy, giờ tự nhiên gió mưa sấm chớp, giữa lúc ấy, bà Tiệp-Dư đẻ ra vua Thánh-tông, trên trán có vết ấn như trong mộng đã thấy. Vua Thái-tông vẫn ghét không cho ở trong cung... »

Quyển *Phạm-thị Phổ* dẫn ở đầu bộ *Ưc-trai thi tập* lại chép khác :

« Xưa vua Thái-Tông lên ngôi. Ông Nguyễn-Trãi lại phải tham-dự Triều-chính.... »

« Gặp lúc bà Tiệp-Dư Ngô-thị Ngọc-Giao có chửa, mơ thấy Kim-liên-dông giáng sinh. Việc ấy truyền ra. Bà Tuyên-Từ Thái-hậu (mẹ vua Nhân-tông) càng thêm oán ghét, bèn nhân cái việc Lê-Ngân nuôi cô đồng trong nhà thờ Phật để cầu cho con gái là Huệ-Phi, được yêu (2) làm tội cả đến bà Tiệp-Dư phải tội lưu Ông Nguyễn-Trãi xử vợ lẽ là Thị-Lộ (3) tâu xin thu giam Vua theo, bà chỉ cho ở chùa Huy-Văn. Ông sai người chăm nom từ tế, đầy tháng sinh ra Tư-Thành (Thánh-tông).... »

Trong *Hoàng-Lê Ngọc-Phả* và trong bài bia *Chiêu-Lãng* của *Thần nhân-Trung* và các sách khác đều nói đến truyện mơ thấy Thượng-đế cho Tiên-dông, mà không nói đến nơi sinh.

Trong *Hoàng-Việt Địa-dư chí*, sách soạn triều Minh-mạng chương *Hải-nội mục Linh-tư tư-quán* có chép :

« Chùa Dục-Khánh ở thôn Huy-Văn, huyện Thọ-Xương, là nơi bà Quang Thục Hoàng-hậu triều Lê đẻ và nuôi vua Thánh-tông ở đấy. Sau ở chỗ đất ấy lập chùa, bèn phải chửa làm điện Huy-Văn để thờ bà Quang thục Hoàng-hậu. Lê triều Lê đặt chức *Huy-Văn điện Tư-thừa* và chức *Tri-sự* để trông coi việc thờ phụng ».

Nhân đây, chúng tôi đã thân đến chùa Dục-Khánh này kiểm thêm tài-liệu.

Chùa Dục-Khánh hay là chùa Huy-Văn hiện nay ở làng Văn-Chương, đại lý Hà-nội. Từ con đường Hàng Bọt chạy dài (Sœur Antoine prolongée) đi vào có hai lối. Một lối do ngõ Văn-Chương đi đến cái cầu gạch rẽ vào tay phải là cổng sau chùa. Một lối từ số nhà 59 rẽ theo con đường nhỏ lát gạch vào đến cửa chùa, chùa quay hướng Nam. Tòa ngóai cũng là đền thờ vua Thánh-tông, và đức bà Thái hậu trong có tượng thờ rất to và một bức hoành sơn son bốn chữ đại tự thiếp vàng : « Đế-vương hữu chiân ». Sau đền là chùa thờ Phật, có cả bài vị thờ vua Thái-tổ Cao hoàng-đế bài vị vua Thần tông Uyên hoàng-đế và bài vị thờ các công thần. Hiện ở chùa còn có ba cái bia đá. Cái cổ nhất dựng năm Kỷ mùi niên hiệu Vĩnh trị thứ tư tức là đời vua Lê Hy-tông vào năm 1679 Tây lịch. Theo bia này thì ở chùa trước có Tượng và Chuông thờ đức bà Thánh mẫu, nhưng năm Canh-dần mất chuông, năm sau

mất tượng, Chuông đã mất tượng cũng không còn sợ đời sau cho là hư truyền, nên chủ-trì chùa ấy là Đoàn Nhân Thuấn mới đứng lên quyên-giáo các nhà quyền-quý lấy tiền đúc đền Chuông và tượng. Ngày 26 tháng 7 năm Mậu-ngọ (1678) đúc xong chuông, ngày 14 tháng giêng năm Kỷ-mùi tổ thành tượng. Ngày tháng ấy dựng bia kỷ-niệm các vị công đức đã góp tiền vào việc nghĩa-virtue ấy. Trên bia, ta còn nhận thấy tên cha con ông Đình-văn Tả và các vị trong Hoàng-tộc, trong Vương-phủ.

Bia thứ hai dựng tháng Trọng-hạ năm Quý-mùi niên hiệu Minh-mạnh thứ tư (1823) đề-ghi lấy cuộc trùng tu lại chùa này từ năm Nhâm-ngọ đến năm Quý-mùi mới xong. Người soạn bài bia ấy là Tiến-sĩ Triều Lê Hàn làm viện Hiệu-thảo, Nhân-khê/cư-sĩ, hiệu là Hiệu-phủ. Sau khi thuật lại nơi này là chỗ sinh thành ra vua Thánh tông kể đến việc mất trộm năm Canh-dần và việc đúc chuông tổ tượng trong hai năm Mậu-ngọ Kỷ-mùi, ông nói đến vì việc binh cách luôn mấy năm, cảnh chùa đồ nát, những hoàng-tộc còn lại và dân làng mới cùng nhau gom góp và quyên tiền làm lại. Sau cùng ông kết bằng một câu cảm-dộng:

« Khi lạc thánh, nhờ ta làm văn. Ta là cựu thần nhà Lê vậy. Ôi! nghĩ lại lúc còn trẻ con ra đây chơi nhây. Năm tháng bao lâu mà khiến con người ta thêm động mỗi cảm hoài kim cổ, phơi phơi bụng lên, loáng-loáng này-nọ, bèn lấy bút làm bài bia này đề-ghi rõ mối cảm-cửu vậy! »

Bia thứ ba dựng ngày hai mươi hai, tháng chín năm Tự-Đức thứ

mười bảy (1864) của quan chức Hà-nội là Tổng-dốc Tông-thất-Hàn, Bô-chánh Lê-hữu-Thanh ấn sát Đặng Tả ghi công cuộc tu-sửa và mở rộng một nơi cổ-tự có liên lạc với một vị đề-vương Triều trước Quan nguyên Đốc học Biên hòa Di-ong đình Cung soạn bài văn bia. Trong bia cũng nói đến việc bà Quang Tự bị câu lưu ở đây rồi sinh ra vua Thánh-tông. Tượng vua Lê nguyên trước ở chùa Khán Sơn (trên vườn Bách-thảo bây giờ) rồi sau gặp hồi biến loạn mang về thờ ở đây.

Ngày nay dân làng Văn-Chương vẫn hằng năm cúng tế linh-dinh vào hai ngày sinh và hóa của vua Lê Thánh-tông, tức là ngày hai mươi tháng bảy và ba mươi tháng giêng vậy.

Tôi phải nói dài về chùa Huy-Văn như vậy là muốn đem đủ tài liệu ra chứng nhận rằng chính vua Thánh-tông đã đem tiếng khóc ra chào đời ở chùa này. Mà sở dĩ bị đẩy-ải ra ngoài nội cung-cấm như vậy, là vì bà Tuyên-tử Hoàng-hậu sợ vị hoàng-tử ứng vào diềm tốt kia sẽ tranh mất ngôi con mình là Thái-tử Bang-Cơ vừa mới được lập xong. Thái-tử mất ngôi, tức bà cũng sẽ mất quyền. Cũng vì sợ thế,

mà ngay khi vua Thái-tông vừa thang hạ, bà liền mưu cùng các đại thần, Triệu Khả, Triệu Khắc-Phục giết luôn vị lão thần Nguyễn Trãi đi, sợ ông này sẽ làm ngăn trở việc vị vua còn bé ngửa lên ngôi chăng? (Vua Nhân tông lúc ấy mới chưa đầy hai năm) Và cũng vì vậy, nên sau này, bà lại giết cả bọn, Triệu Khả, Triệu Khắc-Phục, sợ bọn này có lúc hồi tâm trở lại làm lung lay quyền vị của bà chăng?

Vì những lẽ ấy ta có thể tin chắc rằng vua Thánh tông đẻ ở chùa Huy Văn. Mà có đẻ ở đây sau này lên ngôi vua, ngài mới làm chùa, đúc chuông, tổ tượng và đặt quan coi giữ việc thờ phụng chu đáo như vậy. Còn truyện Ngọc Hoàng Thượng đế cho tiên đồng giảng sinh, là truyện hoang đường quái đản, có lẽ do người đương thời tô điểm vào, cho đời đức vua khác hẳn người thường. Chúng tôi dẫn ra đây cho thêm vui câu truyện mà thôi.

CHU THIÊN

1) Con út Lê Trừ, anh ruột vua Th

2) Huệ phi bị giáng là h Ohiêu Ngh cô đồng là Nguyễn thị bị đày đi v

3) Thị Lộ tức ấy đ ọc tin dồ g ở trong cung.

SỐ ĐẶC SAN

ề TI ANH NIÊ

trong lịch sử và văn học Việt nam

Sẽ ra vào số sau.

— Các bạn sẽ rõ những bậc thanh niên xuất chúng của nước ta là ai?

— Tro g lịch sử và văn học Việt-nam-tha h n ên đã làm nhưng gì?

— Các bạn t an n ên tạn học đã n t hững gì về Đông-dương học xá, trong cuộc phỏng vấn của Tri-Tân.

Những người hấp đời Chiến-quốc

Ứng-hoà NGUYỄN-VĂN-TỐ

Vàng thực như lời tiên-sinh: tôi xin đem cả xã-tắc đề theo.

Bấy giờ Mao-Toại bảo những người xung quanh vua Sở đi lấy huyết gà, chó, ngựa: Toại dặt vào mâm đồng, bưng lên vua Sở, nói rằng: « Nhà vua nên uống huyết đề thề đã theo kế hợp-tung. Rồi đến chủ tôi và đến tôi. » Toại làm xong kế hợp-tung ở trên diên, tay tả bưng mâm huyết, tay hữu, xẩy 19 người đến uống huyết ăn thề. Đến khi về, Binh-nguyên nói rằng: « Thắng này xem tướng hệ hàng nghìn người, chưa nhấm người nào, thế mà đến Mao tiên-sinh mới đến nước Sở, mà đã làm cho nước Triệu được quý trọng ở nơi cửu-dĩnh: ba tấc lưỡi của Mao tiên-sinh thật mạnh hơn trăm vạn quân. Thắng này không dám xem tướng nữa. Từ bấy giờ mới tôn Mao-Toại làm « thượng-khách », tức như quý-khách, vì trong truyện Binh-nguyên không chia ra làm « thượng-khách » với « hạ-khách » (Bổ chính thiếu-vi), quyển 3, tờ 55 a-56 a).

« Những bọn chơi-bời với Binh-nguyên-quân cử động việc gì đều báo-biệp cả » (Binh-nguyên-quân chỉ đủ đồ báo-cửu nhĩ, chữ trong Sử-ký, quyển 77, truyện Tín-lăng-quân, tờ 3 a). Cứ như thế, thì những người công-tử đời Chiến-quốc nuôi thực-khách trong nhà, có lẽ Binh-nguyên xứng đáng cái tên hào-biệp hơn cả. Cùng bọn với Binh-nguyên-quân còn có Tín-lăng-quân, tức là em vợ Binh-nguyên.

Tín-lăng-quân tên là Vô-Kỵ, công-tử nước Ngụy. Lúc bấy giờ Phạm-Thư-thôn nước Ngụy sang làm tướng nước Tần, oán Ngụy và Tần, cho đến đem quân Tần vây Đại-luoy, phá Ngụy; vua Ngụy và công-tử có ý lo sợ Công-tử là người nhân-tử, tôn kẻ sĩ, không cứ người nào, đều giao-tiếp theo lễ, không dám cậy mình phú-quí mà kiêu-căng, cho nên kẻ sĩ phương ấy trau chuốt theo đến: thực-khách có 3.000 người. Các nước hầu đều cho công-tử là người giỏi, cho nên được nhiều kẻ sĩ, không ai dám đem quân mưu-tính nước Ngụy (Sử-ký quyển 77, tờ 1 a). Như vậy thì chỉ những người trong bọn Binh-nguyên-quân và Tín-lăng-quân mới gọi là hào-biệp.

Còn như Mạnh Thường-quân thì khác hẳn. Mạnh Thường-quân tên là Điền-Văn, con người nằng hầu của Điền-Anh. Anh là người nước Tề, được phong Tín-quách-quân có 40 con. Vì Văn sinh ngày mồng năm tháng năm, nên cha cho là điềm xấu, bảo mẹ Văn đừng nuôi. Mẹ Văn nuôi giấu, đến lớn, ra mắt Điền-Anh. Điền-Anh giận, nói rằng: « Cái thằng con sinh mồng năm tháng năm, hễ nó lớn bằng cánh cửa, sẽ hỏng lợi cho cha mẹ ». Điền-Văn nói: « Người ta sinh ra thụ mệnh ở giới, hay thụ mệnh ở cánh cửa? Nếu thụ mệnh ở cánh cửa, thì làm cao cửa lên, ai làm gì nổi? » Được ít lâu, Điền-Văn bảo cha rằng: « Tư-sản nhà ta, giàu ke hàng vạn, mà môn-hạ không thấy một người nào giỏi. Văn này nghe: cửa nhà tướng

võ tất có tướng võ giỏi, cửa nhà tướng văn tất có tướng văn giỏi. » Bảo cha mở cửa ra để nuôi hiền-sĩ: làm khách tranh nhau khen Điền-Văn là giỏi. Điền-Anh bèn cho Điền-Văn nối nghiệp. Đến khi mất (năm 48 đời Chu Hiên-vương tức năm 321 trước T. C.) Điền-Văn nối chức Tiết-công, hiệu là Mạnh-Thường-quân (mạnh là tôn, Thường là tên đất), chiêu-tập những du-sĩ trong thiên hạ và những người có tội đi trốn, phần nhiều tiếp-dãi rất hậu (Lịch đại thông giám, quyển 9, tờ 15b 16a).

Năm thứ 16 đời Chu Noãn-vương (299 trước T. C.), vua Tần nghe tiếng Điền-Văn là người hiền sai em là Kinh-dương-quân sang làm con tin ở nước Tề, để xin đến Văn sang làm thừa-tướng. Khi Điền-Văn đã làm thừa-tướng, có người báo với vua Tần rằng: « Điền-Văn làm tướng nước Tần, tất vì Tề trước, rồi sau mới đến Tần. » Vì thế, Tần chèn ép vua giam Điền-Văn, định giết. Điền-Văn sai người đến cầu cứu với nàng hầu yêu của vua Tần: người nàng hầu dòi áo cừ trắng bằng lông cáo. Nguyên Điền-Văn có xai áo cừ lông cáo trắng, nhưng đã dẫu, vua Tần rồi, không lấy dẫu mà đưa cho người nàng hầu được. Điền-Văn lo lắng, mới bàn với bọn gia-khách: trong bọn gia-khách có người giỏi nghề an trộm, tình nguyện vào cu g vua Tần, lấy áo cừ trắng, đem về. Người nàng hầu được áo mới nói với vua Tần thì Điền-Văn được tha. Sau vua Tần hỏi, sai người đuổi theo, thì Điền-Văn đã đến cửa ải. Phép cửa ải, hễ gà gáy mới cho người ra vào. Lúc ấy còn sớm, người đuổi theo đã tới nơi; nhưng

trong bọn Điền-Văn có người giỏi làm tiếng gà gáy, gáy lên, các gà khác gáy theo, Điền-Văn đi thoát về nước Tề (Lịch đại thông giám, quyển 5, tờ 25a), đương lão ở đất Tiệt. Tề Mẫn-vương đuổi đi, Điền-Văn bèn sang Ngụy. Ngụy Chiêu-vương cho làm thừa-tướng phủ tây hợp với Tần. Triệu và Yên, đề đánh Tề; đánh được Tề Mẫn-vương thua rồi chết. Sau Tề Tương-vương nối ngôi thì Điền-Văn tương lập, không theo chư hầu nào. Tề Tương-vương sợ, giảng hòa. Sau Điền-Văn mất các con tranh nhau ngôi chức Tề, Ngụy đến diệt đất Tiệt, thành ra Điền-Văn vô hậu (Trung quốc nhân danh từ-diễn, trang 97).

Xem như thế, thì ba người đời Chiến quốc kể trên này, đều nuôi thực-khách đến vài ba nghìn người, nhưng chỉ có Binh-nguyên-quân và Tín-lăng-quân mới có thể gọi là hào-biệp. Còn như Mạnh-Thường-quân chỉ vì danh lợi riêng không đáng gọi là hào-biệp. Cụ Nguyễn Du dẫn điển hào-biệp trong truyện Kiều, cũng chỉ lấy điển Binh-nguyên-quân « Khuyển người lại nhớ câu Binh nguyên quân ».

Vừa rồi, ông Minh-dân chép riêng truyện Mạnh Thường-quân làm một cuốn sách nhỏ, (51 trang 11x18, nhà Mai Lĩnh xuất bản), đề là Phê bình Mạnh Thường-quân, một nhân vật trong thời Chiến quốc. Tác-giả nói: « Tể tướng Mạnh Thường-quân đối với người không phương cũng như tể tướng Mécène với người Âu-châu, hiện thời đã thành một cái tên chung, để tỏ những người có lòng hào-biệp, chịu bao-dưỡng nhiều người khác, vì chưa gặp lời hay lẽ bước phải tìm đến người g tựa vào mình. Có khác là Mécène chỉ cho trở, và

(Xem tiếp trang 21)

Vào đầu thế-kỷ thứ năm trước kỷ-nguyên, ngôi nhà Chu (1134-247) bên Tàu đã suy-kém nhiều; bảy nước mạnh nổi lên, gọi chung là « thất hùng ». Bảy nước ấy là nước Tần, Yên, Triệu, Hàn, Ngụy, Tề, Sở, đánh nhau từ năm 403 đến năm 221 trước kỷ-nguyên, cho nên gọi đời ấy là đời Chiến quốc. Trong đời Chiến-quốc (403-247) có hai thuyết khác nhau một là « hợp-tung », hai là « liên-hoàn ». Thuyết hợp-tung của Tô-Tần, hợp tất cả nước Yên, Triệu, Hàn, Ngụy, Tề, Sở, đề chống nhau với nước Tần. Thuyết liên-hoàn của Trương-Nghi, sui sáu nước cùng nhau phòng sự nước Tần.

Vì có hai thuyết ấy, nên con vua con họ hoặc con nhà giàu mới lập ra bè, đảng và nuôi thực-khách trong nhà. Nước Tề có Mạnh-Thường-quân nước Triệu có Binh-nguyên-quân, nước Ngụy có Tín-lăng-quân, v. v. Sau khi nối nghiệp cha, xưng hiệu, nơi ở nào cũng chiêu tập người hiền, dung nạp kẻ sĩ, cốt bá chủ thiên hạ.

Binh-nguyên-quân là tước của Triệu-Thắng, công-tử nước Triệu, phong ở đất Binh-nguyên (nay phía tây phủ Tề nam tỉnh Sơn-dông-tray, tiếp đất Tân-khách, nên Tân-khách kéo đến, thòong bữa, ăn có vài nghìn người (tân khách số thiên nhân). Khi nước Tần vây đất Hàm-dan, vua Triệu sai Binh-nguyên-quân sang cầu-cứu nước Sở. Binh-nguyên chọn những khách trong nhà, muốn lấy 20 người có đủ tài văn võ đề cùng đi, thì mới chọn được 19 người, ngoài ra không chọn được ai nữa. Sau Mao-Toại tự tiến mình. Binh-nguyên-quân nói: « Hiền-sĩ ở đời, vì như cái dùi trong túi, mũi nhọn phải lộ ra. Tiên-sinh làm môn-khách của Thắng này đến ba năm nay, tả hữu

chưa ai xưng tụng, Thắng này cũng chưa nghe đến: thế là tiên-sinh không có gì cả, tiên-sinh ở nhà ». Mao-Toại nói: « Tôi là cái dùi trong túi, ngày nay đem cả cái mũi nhọn ra, không những chỉ một mũi mà thôi » (chép trong Sử-ký của Tư-mã-Thiên, quyển 76, truyện Binh-nguyên, tờ 1 b, vì có câu chuyện này, nên chữ nho thường gọi những người tự hiến thân, không phải ai đề-cử, là Mao-dĩnh, nghĩa là mũi nhọn họ Mao).

Binh-nguyên-quân bèn cho Mao-Toại đi cùng. Khi đến nước Sở, Binh-nguyên-quân nói chuyện với vua Sở về cái lợi-hại của thuyết hợp-tung, từ sáng đến trưa, không quyết-định. Mao-Toại chống gươm lên thêm bảo Binh-nguyên-quân rằng: « Gái lợi hại của hợp-tung chỉ có hai lời nói là quyết-định, mà sao lâu thế? Vua Sở giận thét rằng: « Khách là chức gì vậy? » Toại chống gươm đến trước mặt vua Sở, nói rằng: « Nhà vua sở dĩ mang Toại này, là cậy nước Sở nhiều người. Nay trong khoảng mười bước chân, vua không thể cậy được nhiều người đâu! Cái linh-mạng của nhà vua có lẽ ở tay Toại này. Làm sao chủ Toại ở trước mặt, mà nhà vua lại mang tội? Nhà vua tự cho là nước ở mạnh, thiên hạ không ai địch nổi, thế mà Bạch-Khởi là đứa trẻ con, đánh một trận, lấy được đất Yên; đất Sinh, đánh hai trận, đốt được đất Di-lang, đến trận thứ ba, làm nhục đến tiên-nhập nhà vua, ấy là cái thù thâm đời, nước Triệu tôi còn xấu hổ thay! Thế mà nhà vua chẳng biết giận ư? Mưu-kế hợp-tung là vì nước Sở, chứ không phải vì nước Triệu tôi! »

Vua Sở vội thưa rằng: « Vàng,

XÉT ĐỊNH SỬ LIỆU

(Nguyên Hán văn của Hồ Thích trong « Trung-quốc triết học sử đại cương »)



MƯỜI Trung quốc làm sử mà rất hồ hăng với sử liệu! Chẳng biết rằng bề sử liệu

mà chẳng đáng tin, thì trước tác về lịch sử sẽ mất giá trị đáng tin cậy đi. Mạnh Tử nói: « *Quá tin theo Sách, thời thế tốt hơn đừng đọc sách* » Mạnh tử rất sùng bái Khổng tử thế mà đối với sách chính tay Khổng tử viết, thầy còn còn có thái độ hoài nghi, huống chi chúng ta ngày nay cách cỡ nhân rất xa, há nên mê tín cỡ thơ, cam tâm chịu cho cỡ nhân khinh khi bằng những thứ sách giả ấy ru?

Triết học sử rất trọng chân tướng của học thuyết, thứ tự trước sau và mối liên hệ cách. Nếu những tài liệu ấy mà không đáng tin là thật, thì khiến cho:

1.) mất chân tướng học thuyết của các phái;

2.) lộn xộn thứ lớp trước sau của học thuyết;

3.) rối rắm hệ thống lưu truyền của các học phái.

Tôi xin đem bộ sách *Quản tử* ra làm tỷ lệ: sách *Quản tử* không phải là chính tay Quản Trọng làm. Nguyên là của hậu nhân lấy lời nghị luận của phái Pháp gia (phái chuyên trị về luật pháp), của phái Nho gia (1) và của phái Đạo gia (tức là Lão giáo) (2) hồi năm cuối đời Chiến quốc, rồi quơ đông lược tây, gộp nhộp thêm làm thành sách ấy. Họ ngụy tạo các thiên *Quản Trọng* cùng *Hoàn công*

vấn đáp; đồn những điều tạp nập lại làm thành thiên « công nghiệp của Quản Trọng ». Bảo sách ấy giả, có rất nhiều bằng cứ, xin kê nhón 3 điều:

1.) Thiên « *Tiêu xưng* » chép những lời nói của Quản Trọng lúc sắp làm chung, lại chép cái chết của chúa Hoàn công (3). Quản Trọng chết trước Tây lịch 640 năm, mà thiên « *Tiêu xưng* » lại có chép truyện nàng Mao Tuống, nàng Tây Thi (1) Tây Thi, lúc nước Ngô mất, nàng hãy còn. Mà nước Ngô mất trước Tây lịch 472 năm! Thế là Quản Trọng đã chết mất 171 năm về trước, làm sao biết được Tây Thi mà chép vào sách mình? (4)

Ngoài ra như thiên « *Hình thế giải* » nói chuyện Ngũ Bá, thiên « *Thất thần thất chúa* » (士臣七主) nói chuyện Ngô vương thích gươm, Sở vương thích lưng bé, đều thấy rõ là của hậu nhân ngụy-tạo cả.

2.) Thiên « *Lập chính* » bảo: nếu thuyết chuộng bích sĩ mà thắng thế (thắng được thuyết Kiêm ái), thì những chỗ bích sĩ cũng không giữ được. Nếu thuyết Kiêm ái mà thắng thế (thắng được thuyết chuộng bích sĩ) thì sĩ tốt khỏi đánh giặc. Thiên « *Lập chính cứu hạ* » (立政九款) giải về thuyết Kiêm ái rằng: « xem dân của thiên hạ như dân của mình, xem nỗi khổ của người như nước của mình, như thế thời không có lòng nào đi gồm thâu tranh đoạt nhau ». Đó quả là thuyết

của Mặc tử, người sanh sau Quản Trọng rất lâu. (Thiên *Pháp Pháp* 法法篇 cũng có lời yêu cầu bất bình nữa)

3.) *Tả truyện* chép: Lão Tử Sảo làm sách *Hình luật* (trước Tây lịch 536 năm), Thúc Hưởng cực lực phản đối; sau đó vài mươi năm nước Tấn làm ra binh-danh (khắc luật hình phạt trong cái vạc: 刑鼎), khắc hình-thư, Khổng tử rất không tán thành (trước Tây lịch 513 năm) Đồ toàn là chuyện sau khi Quản Trọng chết một trăm mấy mươi năm. Nếu như lúc Quản Trọng sống mà đã có cái học về pháp luật hoàn bị như thế, sao đến ngoài trăm năm sau, mấy bậc hiền giả như Thúc Hưởng, Khổng tử lại không có chút quan niệm nào về luật pháp cả? Tại sao trong thơ đáp cho Thúc Hưởng, Tử Sảo chỉ biết nói: « *Tôi chỉ cứu lấy đời, mà thôi* » có sao chẳng biết lợi dụng cái học về pháp luật đã phát huy rất mực từ trăm năm về trước? Ấy, đủ thấy cái học pháp luật trong sách *Quản tử* là một sản phẩm hồi cuối đời chiến quốc, quyết chẳng phải đột nhiên phát sanh ra hồi lúc Quản Trọng còn sống. Trộn bộ sách, bắt thế, văn pháp đều chẳng phải từ đời Khổng tử. Lão tử trở về trước mà có lối hành văn được như thế. Hãy lấy các thiên luận về pháp luật (*Pháp trị* 法治) mà xem; như thiên *Pháp Pháp* hai lần nói: « *Kinh Xuân Thu chép bày tôi cô giết vua con cô giết cha* », đủ thấy sách *Quản tử* là do người sau ngụy tạo vậy.

ĐỌC SÁCH

Dưới rặng thông

của Nguyễn dân Giám, Duy-lân thư xã xuất bản.

« Dưới rặng thông » là một quyển ái tình tiểu thuyết tả sự thực về ái-tình của một du học-sinh là Khả Minh cùng cô Yvonne một thiếu nữ Pháp mà chàng gặp gỡ ở kinh thành Paris. Rồi, cặp tài-tử giai nhân ấy đưa nhau về quê hương nhà ở tỉnh Remiremont trong dãy núi Vosges. Rồi, trong cái phong cảnh đẹp dưới rặng thông xanh, trên làn tuyết trắng, cùng nhau sống những phút êm đềm trong gia đình cô Yvonne.

Nhưng, Khả-Minh nhận được tin nhà mẹ yếu phải đáp tàu về nước Nam, việc nhà bình yên, chàng lại sang Pháp, gặp lúc chiến tranh, chàng phải tòng quân vào đội thông-ngôn. Khi tới nơi thời gia đình nàng Yvonne đã bị tan nát,

chạy mẹ, hai em, nàng đã bị nạn, còn một mình Yvonne, hai người ái-hợp, mừng mừng, tủi tủi, nhưng Khả-Minh thú thật vì phận-sự đã lấy vợ, còn Yvonne thì cũng đã có người hỏi sắp cưới.

Sau một tháng sùm họp, Khả-Minh, hết hạn dẫu quân đáp tàu về nước rồi tiếp tin nàng Yvonne ở trong một đường đường, lúc làm chung nhờ bà Phước gửi tập nhật-ký cho chàng đề ghi nhớ cái ái-tình tuyệt-vọng của hai bên.

Chàng Khả-Minh, tuy vui cảnh gia đình nhưng được tin người yêu mất, lấy làm đau đớn mà gửi lòng thương trong mấy vần thơ bi-đát, lâm ly :

Có ai qua năm mộ nàng,
Sẽ bên gối mấy hàng thông
reo,

Dưới ngôi bút, linh-dộng của ông Nguyễn dân Giám đã nhận thấy cái tinh thần của câu truyện, những đoạn tả cảnh vui mừng, tuyết xuống, những cảnh gia đình đậm-ấm của phương tây, ta cảm thấy cái giản dị của những gia đình cần lao ở Pháp nó cũng na ná giống những gia đình của nước Nam này.

Tuy cốt truyện là chuyện tình, nhưng tác giả đã đề cập tâm hồn du học sinh của mình mà viết nên về nghệ thuật quyển « Dưới rặng thông » đã không thẹn với cái nhan đề của nó.

Ta có thể so sánh cuốn này với các thiên ái tình tiểu thuyết của Tây phương như Werther hay Tình sử của Đông phương, chỉ cần người đọc sách nhận thấy cái nghệ thuật hơn là cốt truyện vì chuyện tình thì phần nhiều là sự tuyệt-vọng xưa nay. « tài tử giai nhân tể ngộ nan » thời việc Khả-Minh, Yvonne trong sách cũng là truyện thông thường trong tình trường vậy.

TIỀN ĐAM

Sách Quân tử đã không phải sách thật, nếu dùng làm sử liệu cho triết học thời đại Quân Trọng tất lỗi ra 3 mối tệ như trên đã nói.

1.) Quân Trọng vốn không có cái học thuyết ấy, nay ta lại bảo có, chẳng hóa ra râu ông nọ cắm cằm bà kia sao? Thiệt là nước lã khuấy nên hồ!

2.) Trước Lão tử mà hốt nhiên có những thiên Tâm-thuật, Bạch tâm, là mấy thiên rõ ràng của phái Đạo gia! Trước Mạnh tử tuần tử ngót mấy trăm năm mà hốt nhiên có thuyết Nội-nghiệp là môn tâm lý học mẫu nhiệm của phái Nho gia! Trước nhà làm bình

luật mấy trăm năm mà hốt nhiên những thiên Pháp-Pháp, Minh-Pháp, Cảnh-làng, chủ nghĩa Pháp-trị đã sớm phát đạt! Mà quả như vậy mà được cho, thời triết học sử tất không trình bày theo thứ tự trước sau của các học thuyết, mà nó sẽ biến thành loại sách Linh-dị-ký hay Thần-bí-ký cũng nên!

3.) Quân Trọng sanh trước Lão tử và Khổng tử một trăm mấy năm, mà triết học đã có qui mô rộng lớn như thế ấy; thế mà sao từ Lão tử về sau, tư tưởng liền hóa sử lại tuần tự tiến từng bước một, thật hoàn toàn chẳng hợp

lý. Thế nên nhận sách Quân tử là sách thật, tức là cần cái học của Chu tử với nguồn gốc hệ thống trực tiếp hay gián tiếp mà lộn ngược lại tất cả.

CỔ ĐỘ-dịch

1) như thiên « Nội-nghiệp », thiên « Độ tử-chức »...

2) như thiên « Bạch tâm », thiên « Tâm-thuật »...

3) Đoạn này Hồ Thích diễm không được sáng nghĩ. Nguyên: nếu ta sách tự Quân Trọng viết, thì lúc gặp hỏi làm sao Quân Trọng chết tức Tề Hoàn công làm sao biết được cái chỗ của nó có gì mà chép vào sách mình?

4) Đoạn này ng ý là không có chung tới chỗ và sáng nghĩ. K. L. Q

PHÉP ĐẶT ĐẦU BÀI THƠ

(Đặc trích trong tập Nam đàn bát châu)

TÙNG-VÂN

TH I giả đối với phép đặt đầu bài, nên bắt đầu coi là một việc trang-nghiêm trân-trọng, bắt đầu đề ý-tư khảo-xát, đề công-phu rèn-lập, đề giá-trị thưởng-thức, đề câu chuyện phẩm bình. Vì sự thực thơ do cái đầu bài mà tiêu-biểu, thể-chế thơ do cái đầu bài mà thành-lập, nhan-diện thơ do cái đầu bài mà diêm-nhiệm, ý-tưởng thơ, lý-thú thơ do cái đầu bài mà phát-sinh, giá-trị thơ do cái đầu bài mà định-đoạt.

Thí-học-giới, từ xưa đến nay, thường có một hạng người, đã hơi biết làm thơ, mà chưa biết đặt đầu bài, lại có một hạng người thơ đã sắp-sửa hay mà đặt đầu bài còn chưa hay. Coi vậy thì phép đặt đầu bài trong cốt thơ pháp-độ lý-thú huyền-diệu dường nào!

Nên chi thi gia xưa nay thường có một cái danh-từ thành-thực đề cảnh - cáo cho những người khinh bạc lười-biếng đối với phép đặt đầu bài, là danh-từ « bất thành đề-mục ». Ôi! thơ mà bất thành đề-mục, tức là thơ bất thành tự, hoa bất thành-bình, âm-nhạc bất thành thanh, cái khuyết-diêm của thi gia không phải là nhỏ. Muốn thi-học tiến-bộ, trước hết phải vượt qua cái bức tường truông-ngại ấu-trĩ ấy, sẽ thông-dong lên vũ-dải thơ.

Thi gia hoặc có kẻ muốn bắt-chước đầu bài tiểu-thuyết để đặt đầu bài thơ, như vậy là lầm! Vì đầu bài tiểu-thuyết với đầu bài thơ thực khác nhau xa lắm!

Tiểu-thuyết thì phần nhiều có truyện-thuyết rồi mới có đầu bài, cái đầu bài chỉ là tiêu-biểu cho cuốn truyện, câu lấy dễ lạ tai đẹp mắt người.

Đầu bài thơ thì lại khác hẳn, không cần phải huyền-diệu gì hết thảy, chỉ trang-nhã, minh-khiết, xứng-đáng, thiết-thực, hợp với thể-cách thể là cái đầu bài có bút-pháp thi-gia (đoạn này nên tham-khảo với đoạn nói đầu). Lại phần nhiều có đầu bài rồi mới có thơ. Nếu là thơ vô-đề, thì tức-khắc lại phải dùng hai chữ « vô đề » làm đầu bài. Cổ-thi: « *Tửu biên thi tự bản vô đề* », nghĩa là câu thơ phun-nhả trong tiệc rượu, phần nửa là vô-đề. Thơ đó thì lại riêng ra một thể-cách. Duy thơ có đầu bài mới là thơ đại phươn đại nhã và chính-thức cổ kim thi-gia thường dùng.

Tóm lại, thi - đầu bài thơ từ 4 chữ đến 7,8 chữ là đầu bài trung-bình; từ 2 chữ đến 3 chữ là đầu bài ngắn; (không có phép đặt 1 chữ, vì 1 chữ chưa thành văn-lý); từ 9, 10 chữ trở ra thì đã là đầu bài dài, (không có phép được đặt quá dài, vì quá dài thì lại thành - ra lời tiểu-dẫn). Đầu bài trung-bình hoặc ngắn hoặc dài thi-gia không câu nệ gì cả, song đầu bài trung-bình thi-gia thường dùng hơn hết.

Phép đặt đầu bài trong cốt thơ, cũng có rất nhiều hình-trạng thể-cách, kẻ cũng không xiết. Nay muốn luyện-tập về đường ấy, thì chẳng gì hơn lịch-đuyệt cổ-kim

thi-phả câu lấy bút-pháp của cả danh-nhân. (Nhất là Đường bách-gia thi, hay là thơ Tùng, thơ Tuy, v.v.) sẽ đủ bút pháp hằng-cứ. Chứ những cái đầu bài của Hát-nói vô vàn thơ Quố-âm cổ, lưu-hành ở hiện-thời, phần nhiều do người đời sau đặt ra, ít đủ bằng-cứ. Mà những vai thưởng-giám trong thi-dàn phải lấy sự đặt đầu bài làm một sự bắt đầu khảo-đuyệt, bắt đầu thưởng-thức phê-bình. Mà những thi-gia khi đặt đầu bài đều nên bắt đầu đề công phu trịnh-trọng đặt bút, tỏ ra là nhà có thi-học, khiến cho thơ tuy chưa làm mà cái đầu bài đã có giá-trị. Như thế thì sự tiến-bộ trong cốt thơ, tưởng đã đi được quá nửa đường vậy. Nên chi tập *Nam đàn* chuyết-cảo này, vô-luận thơ soạn hay thơ dịch, tác-giả đối với bài thơ, câu thơ, lưu-ý năm phần, mà đối với phép đặt đầu bài lại trộm lưu-ý mười phần. Xin các bạn cao-minh xét cho cái nghị-luận rộng-dài và cái thức-thú nhỏ-hẹp ấy.

TÙNG-VÂN đạo-nhân HI-ÁN-THI

學醫東亞

Muốn nghiên-cứu khoa-thuốc

á-đông, nên mua ngay:

Sách thuốc Việt-Nam.	3\$ 50
Tính các vị thuốc.	3 00
Khoa thuốc xứ nóng.	2 00
Khoa chữa phôi.	1 00
Khoa chữa mắt.	1 00
Khoa chữa trẻ con.	0 80
Ngoại khoa.	1 00
Sinh lý học.	1 00
cước quyền lớn 0\$ 69, nhỏ 0\$ 30.	

Hải: M. Nguyễn-xuân-Dương.
Lạc long 22 Tientsin Hanoi.

ĐẠI-NAM DẬT-SU

Số 13

Ứng-hoè NGUYỄN-VĂN-TÔ

IX. — Mấy ông thứ-xử châu Giao về hồi Nam Bắc triều (bài nối)

Bên Tàu vào khoảng năm 420 đến năm 617 sau Thiên-Chúa, trong nước chia ra hai triều: Nam-triều thì Tống, Tề, Lương, Trần; Bắc-triều thì Ngụy, Tề, Chu, Tùy, không họ nào nhất thống được cả nước, không nhà nào được lâu-dài thịnh-trị, cho nên không ai dễ ý đến nước phụ dung. Kỳ trước tôi đã thuật truyện Lý-tràng-Nhân và Lý-thúc-Hiến. Kỳ này có Phòng-pháp-Thừa cũng thế: Phục - đăng - Chi đã không chịu nhận Phòng-pháp-Thừa, lại dâng sớ sang vua Tề xin làm thứ-sử, vua Tề cũng cho! Sớ đã chế là nước Tề « thất hình » (hình-phạt trái-ngược). Sau đến nhà Lương cũng thế: Lý - Khải là người bên Tàu sai sang, Lý-Tắc đã không chịu nhận, lại cử binh đánh Lý-Khải, thế mà vua Lương lại cho Lý-Tắc làm thứ-sử! « Mềm nặn, dẫn buông »: đây là chính-sách của các vua đời Nam Bắc-triều đối với dân châu Giao về thế-kỷ thứ năm và thứ sáu.

Ông Ngô-thi-Sĩ có bài bàn rằng: « Nước Tề đến lúc này là thất hình. Thúc-Hiến là người thân-thuộc của loan-thần; nhân khi uy-lệnh chưa khắp, xin với vua Tề đặt thứ-sử; đã cho thứ-sử sang, lại chống-cự với thứ-sử ở Uất-lâm vua Tề đối với việc chống-cự, lại cho hân làm thứ-

sử; những khi được làm thứ-sử, lại bỏ cống-hiến! Đến khi Lưu-Khải đem quân sang đánh, lại cho Thúc-Hiến đi tắt đường sang châu, không biết là có bắt tội hay không. Việc ấy và việc Phục-dăng-Chi cũng thế: thưởng phạt như vậy, làm sao phục được nhân-tâm, giữ được quốc thể? » (Khâm-định Việt-sử, quyển 3, tờ 30 b-31 a).

Nguyên tháng sáu năm mậu thìn 488, hiệu Vĩnh-minh thứ sáu, nhà Tề sai Phòng-pháp-Thừa thay Lưu-Khải làm thứ-sử châu Giao. Thừa đến trấn, thác bệnh không coi việc, chỉ ham đọc sách. Trưởng-sử (Toàn-thư, quyển 4, tờ 13 a, chép là trưởng-lại) là Phục-dăng-Chi nhân thế chuyên quyền, thay đổi tướng lại, không cho Pháp-Thừa biết: lục sự là Phòng-quí-Van (Toàn-thư quyển 4, tờ 13 b, chép là Tú-Văn) bạch với Pháp-Thừa. Thừa giận lắm, giam Dăng-Chi ở ngục hơn mười ngày. Dăng-Chi đem cửa dút cho em rể Pháp-Thừa là Thôi-cảnh-Thúc, rồi được ra. Sau Dăng-Chi họp tập những bộ thuộc, đánh úp châu-trị, bắt Pháp-Thừa, bảo rằng: « Sứ-quân đã có bệnh, không nên đề nhọc phiền lòng nhọc sức » rồi giam ở biệt thất. Việc này xảy vào hồi tháng mười nam Vĩnh-minh thứ tám (490 sau T.-C.).

Pháp-Thừa ngồi buồn, bảo Dăng-Chi đưa sách đọc, Dăng-

Chi nói: « Sứ-quân tỉnh-dương, còn sợ bệnh phát lên, há lại còn xem sách được ư! » Không đưa sách, rồi tâu Pháp-Thừa có tâm-tật, không thể coi việc được. Nhà Tề cho Dăng-Chi làm thứ-sử Giao-châu; còn Pháp-Thừa về đến Ngũ-lĩnh thì mất (Khâm-định Việt-sử, quyển 3, tờ 32 a).

Sau Lý-Khải sang thay Phục-dăng-Chi (sử không chép năm nào). Lúc bấy giờ nhà Tề đã truyền ngôi cho nhà Lương. Lý-Khải chống-cự nhà Lương, không chịu theo. Đến năm Thiên-giám thứ tư (505) đời Lương Vũ đế, trưởng-sử Giao-châu là Lý-Tắc đem quân giết Lý-Khải. Nhà Lương cho Lý-Tắc làm thứ-sử (Khâm-định Việt-sử, quyển 3, tờ 32 b).

Nam Thiên-giám thứ 45 (516) Lý-Tắc đánh dẹp những dư-dãng của Lý-Khải là lũ Nguyễn tôn-thiếu, bắt được đem chém, trong châu mới yên. Khâm-định Việt-sử, quyển 3, tờ 32 b), Toàn-thư, quyển 4, tờ 14 a, chép Lý-Tắc chém được dư-dãng của Lý-Khải là Lý-tông-Lão, gửi đầu về Kiến-khang là kinh-đô vua Tàu.

(Còn nữa)

Ứng-hoè NGUYỄN-VĂN-TÔ

Dạy học thuốc và chuyên
chữa nội-khoa
theo thể-thức

ĐÔNG-PHƯƠNG

chỉ có:

Thượng-Đức

15 mission Hanoi — Tél. 1629
đã được liq-uy-huyn hoàn toàn

Chuyện thơ

DUYÊN NỢ VẦN CHUÔNG

NỀ-UY

L. T. S. — Trong số văn-học phụ nữ, tập I (T.T. số 112), Tri-Tân có hẳn chỗ dành đến tên bà Bang Nhãn. Sau khi hai số chuyên san ấy đã ra, chúng tôi mới tiếp được bài dưới đây của ông Nề-Uy, một bạn văn trong Sài-gon. Vậy xin lục đăng đề đăng thêm chút lại liệu vào trang sử văn-học phụ nữ Việt nam sau này.

Đời triều Thành-thái (1889-1907), ở Quảng-Nam người ta đề ý đến một người đàn-bà trạc độ bốn-mười tuổi, người thanh-nhã, không cao, không gầy, ăn-mặc khi thì áo lụa nu, quần lụa trắng, khi thì áo the la-cải, quần lanh buổi. Về mặt lanh-lợi, tình tình vui-vẻ, từ-lôn, nói chuyện hoạt-bát, miệng đời có duyên.

Người đàn-bà ấy nghe có chỗ nào có cảnh lạ, người hay trong âm phủ huyền thì tìm đến. Và chỗ nào có dấu chân của bà là người ta được truyền nhau, đọc một bài vịnh, ít lâu ra ống, đôi vần họa.

Càng ngạc-nhiên, người ta lại càng cố tìm biết con người ngộ-nghĩnh ấy.

Thì ra là một bà góa ở huyện Đại-lộc làng Hà-nha, thường được gọi là bà Bang-Nhãn.

Thì đây, trong làng ngấm vịnh Quảng-nam mọc một ngôi sao mới, mới vì nó mới hiện ra, nhưng cũng mới vì nó thuộc về giống (sexe) ki-ác. Cho nên ngôi sao ấy có một sức hấp-dẫn lạ thường: chẳng bao lâu các vị «hùng» tình đều đua nhau «triều-cung» nó.

Và cũng nhờ hiện-tượng ấy mà biết bao thi văn tình-tử tranh nhau ra đời! Nhưng... từ thay! ngày nay kẻ hậu-sinh biết tìm đâu cho

ra hết! Họa chăng chỉ còn sót lại một vài giai-thoại và đôi bài thơ để làm chứng-cớ.

Đinh-sinh, bà Bang thường xuống họa với một ngôi «hùng» tình quán tại làng Phiếm-ái, cách Hà-nha mười cây số. Đó là một-đô-độ của Lưu-Linh, và hình-ảnh của Hồ-Phủ: Từ-tài Phan Chuyên.

Thi-văn của Phan Chuyên là phần-ảnh của thân-thể cay đắng và của tâm-sự áo não của người. Nén đọc đến, ta cảm nghe tiếng kêu yếu đuối và bi-thống của con tim một nhà nho ưu-thời mất-thế!

Nhưng con tim khô héo ấy đôi lúc lại tươi sống lại khi được vài giọt nước cam-lồ của Thanh-mấn rơi vào. Khi đó tức là khi ông Tú Chuyên tiếp được «câu thần vãng giọng tiêu-tào» của bà Bang-Nhãn. Ông liền vội-vã tình ranh họa lại (1): «Người đầu chưa thấy, thấy thơ người?»

Trần-trọng thơ này biết mấy mươi! Những ngổ Hàn-cung đưa lá thăm, Dường như Đào-dộng bỏ hoa tươi. Quê mùa lời dệt nam văn đủ, Hỉ hả màn the một trận cười.

Thong-thả lúc nào như có gặp/ Khúc dương-xuân sẽ tự-tình chơi!

Lời-lẽ đẹp-đẽ và tình-tử lạ thường!

Mà bà Bang cô phải đâu là «nhi-mĩ thường tình»? Bà là một người đàn-bà thuộc lớp cao-đẳng của Đông-phương.

Ở nơi bà, con tim cảm-thức phải luôn luôn ở dưới quyền cai-trị của một tâm-hồn thanh-lão, của một khối óc minh-chánh. Cho nên bà cho tâm lý và luân lý phải đi đôi với nhau; văn ngâm họa, vịnh nguyệt, bà vẫn làm tấm gương trong cho lớp nữ lưu hậu tiến.

Tại-ông cứ toan vào «Hàn-cung», «Đào-dộng» một cách dễ-dàng làm tưởng cái phận «hoa tàn, trăng khuyết» của nữ-thi-sĩ, chứ có thấu đâu rằng bà Bang chỉ «trì kỷ» với ông Tú ở chỗ duyên nợ văn chương!

Muốn tỏ lòng, bà phải tự-phụ đề thanh-minh: bà Bang lấy câu «Hoa tàn mà lại thêm tươi, trăng tàn mà lại hơn mười rằm xưa» làm đầu đề một thiên đường luật tám câu gửi cho ông Tú (2).

Trong lúc «hờn, ghen và giận, tủi», ông Tú gắt-gao họa ngay lại: Ba (hoa) phai màu thắm nguyệt qua rằm.

Tươi khéo càng thêm tỏ gấp năm Nhụy rã tốt hơn xuân chín-chục, Bóng tàn tỏ quá tỏ mười-lam. Trớ-trêu ông bướm đã chệch-chặn

Bè-bàn mây mưa như tiếng lấm,
Nhấn với chày khoe tươi lại tỏ;
Ba (hoa) tàn, trắng khuyết đáng
bao lam h

Tả làm sao được nỗi lòng uất-
ức của bà Bang khi đọc bốn câu
mặt-sắt giận-liếp của ông Tú:
« Trớ-trêu ông bácm đã chề-châm,
Bè-bàn mây mưa như tiếng lấm!
Nhấn với chày khoe tươi lại tỏ;
Ba tàn trắng khuyết đáng bao
lam h

Có lẽ ông Tú bắt « hoa tàn,
trắng khuyết » để nói cảnh khoe về
xu giao du, xướng họa của bà
Bang với các thi-nhân đương thời.

Nhưng chẳng phải vui lòng chịu
ông Tú Phan Chuyên mai-mĩa, chứ
bà cô bao giờ dung cho những kẻ
phẩm-phũ tục-tử lân-la. Trước kia,
thầy ông Chuyết-Hồ nói kháy Xuân
Hương: làm đi cần », bọn đàn ông
ngu-độn, lỗ-mãnh « được 'mọi' »
liền bị Xuân-Hương rầy thăm tẻ:

« Khéo khéo đi đâu lữ-ngân-
ngơ
Lại dầy cho chị dạy làm thơ!

Một ông « chánh-tổng Đức-hòa »
nào đó (phải chăng là hạng tổng



Cóc? » « cặm » (1) thì cảnh củ bà
Bang Nhân, và không biết cô nghĩ
ông Tú Chuyên mai-mĩa mà « dợ
mọi » không, đến đời... xướng họa
với bà.

Ông Tô Ig ay, ở cách nhà bà cô
dam ba cây sô, bà lại không biết
« văn chương, chữ nghĩa » của
ông sao? Nên có cần gì nó' dợ
nó dài với Hạng ng rời ấy, bà tặng
ngay cho một bài từ tuyệt:

« Chánh - tổng Đức-hòa cả cơ
thời
Van-chương cử nghĩa hồi gì tôi?
Năm vẫn tiện thiệp ra tay họa
Sợ nổi anh-hùng mũi viết ngời la
Thật là ngạo-nghe, tay chưa
những lời của một bậc quân thoa
gởi chọ' đáng tu mi!

Chúng ta không được xem cái
cử chỉ, và cách hành động của ông
« chánh-tổng Đức-hòa » lúc đó ra
sao: Thật đáng tiếc!

Sài-gòn đêm 21 Septembre 1943
hăm hai tháng tám năm Quý mùi

NÈ-UY

(1) Chúng tôi chưa tìm ra bà của
bà Bang. Q í vị nào biết xin chỉ cho.
Cảm ơn vô cùng.

(2) Bài này chúng tôi (t) cũng
chưa ra. Q í vị nào sẵn lòng bày cho
chúng tôi xin cảm ơn vô cùng.

Nhiều áng thơ hay 2
(Tiếp theo trang 3)

Cái lữ-ngân điên và lấy chữ
như thế có vẻ bảo tồn hay không,
đó lại là một vấn đề khác, đây
chưa bàn đến. Song để xét những
đi ợ th) văn ai a sớ dĩ truyền tụng
đợc rộng có lẽ một cợ cũng
tác ợ nó đã biết từ gần đại chúng
kéo đều khiến Phong-láo. Tục
ngư cho làm bản quán mạnh mẽ
xong viên uân bất uông văn lời
ni ợng la cợ ó thên hai chữ
« xợ sớ ».

HOA BANG

1, 2) H i ca i này có biu chép là.
Hội chàng ơi! ời hợt chàng ơi!
« Tập bên duyên chàng có thể thôi!»

3) Một quan tén xưa có ợ ợ đồng
kém

ĐÃ CÓ RÁN:

**Khảo-cứu về
Tiếng Việt-Nam**
của Trần Ngọc giá 2\$50

Các bạn mỗi ng đi đ u nhà có
một cuốn Khảo cứu về tiếng
Việt-Nam, để c e bìn nói cho
đúng, viết cho đúng tiếng nước
nhà. Các bạn còn biết cách
làm các lối thơ, phú, từ, khúc,
và còn được thưởng thức những
áng văn kiệt-tác trong văn-học-
giới Việt-Nam.

Công - chữa tõe vàng
Tứ Hoa Mai số 32
của Phan-Như giá 0\$ 20

**THAM-HIEM
GỒ KHỰC-RONG**

Tứ Hoa Mai số 33
của Nguyễn Phú Đốc giá 0\$ 20
Nhà x ất bản Công Lý
N ợi Rie Takou - Hanoi

Phòng thuốc

CHỮA PHỔI

chuyên môn về bệnh Phổi
15 hàng Bè (Radeau)
Hanoi - Tél. 1630

Giờ mở cửa:

Sáng từ 8 đến 12 giờ
Chiều từ 2 rưỡi đến 7 giờ
Chủ nhật nghỉ buổi chiều

Đặc biệt: Thứ ba, thứ sáu
xem mạch, cho đơn không
lấy tiền.

Ở xa mua thuốc gửi linh hóa
giao ngân. Và muốn hỏi bệnh
gì, đính theo trả 0\$ 06 sẽ
được trả lời ngay.

Sử học luận đàn

Giả nhời câu hỏi : Tả-quân Duyệt phải chăng là người Bắc-kỳ ?

ĐỌC Tri-Tân số 31, thấy bạn Tiên-Đàm có chất - chính cùng các bậc-thức-giả rằng *Tả-quân Duyệt phải chăng là người Bắc-kỳ?* Tôi nay không dám nhận là thức-giả, nhưng xin lấy tư-cách là con cháu của Tả-quân mà giả nhời câu hỏi ấy :

Gia-phả nhà chúng tôi bắt đầu chép từ cụ Lê-văn-Lương là cụ mà tiên-công Lê-văn-Duyệt chúng tôi gọi là cụ ngũ-đại, nguyên quán là ở làng Bồ-đề, huyện Mộ-đức, phủ Chương-nghĩa, tỉnh Quảng-nghĩa và thêm một giọng nữa : « Lại nghe tổ-quán ở xã Tề-lỗ, tỉnh Sơn-tây. »

Cụ Lương sinh ra cụ Tinh, cụ Tinh sinh ra cụ Hiếu, cụ Hiếu sinh ra cụ Toại. Vua Gia-Long sắc tặng cho cụ Tinh là Quang-tiến hộ-quân võ-lược tướng-quân, Cầm-y-vệ cai-dội, Tinh-thiện hầu ; cho cụ Hiếu là Quang-tiến chiêu-nghị tướng-quân, Cầm-y-vệ cai-cơ, Hiếu-thuận-hầu. Đến đời cụ Lê-văn-Toại là thân sinh ra Tả-quân Duyệt thì di-cư vào thôn Long-thịnh, tổng Thuận-bình, huyện Kiến-hưng, phủ Kiến-an, tỉnh Định-tướng (tức là chợ Ông-Hồ, bến Rạch-gầm hay Kẽ Gầm thuộc về làng Long-hưng hạt Mỹ-thọ bây giờ).

Một các cụ Lương, Tinh, Hiếu hiện nay còn ở làng Bồ-đề. Duy một cụ Toại thì ở thôn Long-thịnh.

So với bài ông Tiên-Đàm thuật, thì có những sự khác nhau thế này :

Tên tỉnh Sơn-tây với Vĩnh-yên.

Đoạn nói : « Nhân vì ông Duyệt can án ngộ-sát, nên hai cha con mới trốn vào Nam và nhập-tịch ». Thế là cho cụ thân-sinh ra Tả-

quân với Tả-quân chúng tôi đi từ Bắc vào Nam mà gia-phả nhà chúng tôi thì chép là ở làng Bồ-đề tỉnh Quảng-ngãi di-cư vào Nam và không nói là vì cớ gì.

Một điều chắc-chắn câu chuyện này sai, tôi xin theo sách *Đại-Nam nhất thống-chí*, quyền lục, mục tỉnh Quảng-ngãi đã chép về Tả-quân Lê-văn-Duyệt chúng tôi là nhân-vật của tỉnh ấy. Sách ấy còn chép : Xã Bồ-đề có cái hồ sen, tương truyền khi sinh thời Tả-quân chúng tôi, thì hằng năm cứ đến mùa hạ, sen mọc um-tùm, đầy khắp, đến khi Tả-quân chúng tôi mất thì hồ ấy mất sen ». Đó là một điều tỏ rằng nhân-dân làng Bồ-đề công nhận Tả-quân chúng tôi là người làng ấy.

Cứ như ý riêng tôi đây không phải là vì dòng dõi mà nói điều hay cho tổ-tiên họ Lê chúng tôi ở Quảng-ngãi chắc chắn khi trước gốc-tích ở xã Tề-lỗ thuộc tỉnh Sơn-tây ngày xưa mà nay là Vĩnh-yên. Vào thời-đại Hậu-Lê, Việt-Nam ta hầu như hai nước : Bắc và Nam. Bắc là của vua Lê chúa-Trịnh, mà Nam là của chúa Nguyễn.

Các chúa trong Nam vì địa-thế hẹp-hòi, bé nhỏ, nên phải thi-hành cuộc nam-tiến, khai-thác đất mới, xâm chiếm nước Chiêm-thành, rồi dung-nạp nhân-dân ngoài bắc để vào thực dân. Bởi vậy nhân-dân Bắc-hà vào theo chúa Nguyễn, thiết tưởng, không phải là ít và không mấy ngày không có.

Còn ngoài Bắc, các chúa Trịnh vốn thế lực có sẵn, lại hay áp-chế, cương-quyết nên nhân-dân chán ghét. Không những thế, kẻ nào phạm vào uy quyền, nhất là tính-mệnh người của chúa, thì khó

lòng mà thoát chết, có khi liên-lụy đến cả họ hàng. Bởi vậy, muốn có tự-do, muốn được cứu-mệnh thì chỉ có việc trèo qua Đèo Ngang vào hàng chúa Nguyễn là yên ổn.

Tiên-tổ họ Lê chúng tôi vào hồi cụ Lê-văn-Lương chắc cũng gặp phải trường-hợp như trên mà phải vào nhập-tịch Nam-địa rồi thực dân tại làng Bồ-đề, tỉnh Quảng-ngãi. Trải qua bốn đời, đến cụ Lê-văn-Toại mới di-cư vào Nam-kỳ. Rồi sau Tả-quân Duyệt, xong việc chinh-chiến thì lại về nhận nguyên-quán là Bồ-đề.

Trong một dòng họ, cái trường-hợp, con với cha, hay ông với cháu, hay tăng-tổ với huyền-tôn có sự nghiệp giống nhau, có di-dạng giống nhau, có tính-tình giống nhau, thiết-tưởng có thể có được, nhưng rất hiếm. Song sự truyền-khẩu dù đã khắc vào bia, có khi lẫn-lộn, thiết-tưởng, cũng có thể có được như lời thuật của bạn Tiên-Đàm, tôi có thể hiểu :

Cụ tứ-đại Tả-quân Lê-văn-Duyệt chúng tôi là cụ đồ nho. Ông con cụ đồ lúc bé đi ra ngoài đồng, bị chó cắn, thành ra người ăn-cung. Nhớn lên, tính thích chơi chó săn và được dâng vào cung Hậu-Lê làm thái-giám. Sau vì có quân-công, thăng đến chức Tả-quân thủy-sư đô-thống-chế, tước Viên-tướng hầu. Tả-quân Lê-văn-Duyệt cũng có di-tướng ấy, nhưng trong gia-phả cho chỉ các sách đều nói sinh ra đã thế rồi, chứ không phải tự-hoạn, mà cũng có tính thích chơi chó săn và quan-chức cũng được phong tới Chuông Tả-quân Bình-Tây đại-tướng-quân, tước quận-công.

Có một điều, tôi rất hoài-nghĩ : Binh-pháp đời Hậu-Lê có đặt ngũ-quân là Tiên, Trung, Hậu, Tả, Hữu như đời Gia-Long đầu mà có

chức Tả-quân? Do điều hoài-hghi này mà tôi rất e rằng cái bia ở ngôi miếu nhỏ thuộc làng Tê-lỗ kia theo lời truyền-khẩu mà ghi chép sai-nhầm, lẫn lộn.

Còn một câu chốt ở bài bạn Tiên-Đàm thuật: «Lại tương truyền khi vua Gia-Long bình định xong Bắc-hà, có sai đắp đường thiên-lý ở Vĩnh-yên, qua làng Tê-lỗ. Ruột đường chính vào ngôi tổ-mộ nhà ông Tả-quân. Khi ấy, ông Lê-văn-Duyệt đang làm Tổng-trấn Nam-kỳ, mật sai con nuôi là Lê-văn-Khôi ra Bắc, ngấm nhò cái tiêu và cắm xa ra hơn hai trăm thước».

Tôi thiết-tưởng lúc vua Gia-Long bình định được Việt-Nam, lập được nghiệp nhơn, đối với các công-thần có nhiều điều rất chu-đáo, tử-tế. Năm thứ 3 (1804), gặp lúc khánh-diên còn phong tặng cho tiên tổ các công-thần, thì nỡ nào lại cắm đường qua làng Tê-lỗ, để ruột đường chính vào ngôi tổ-mộ nhà cụ Tả-quân chúng tôi?

Đương lúc Tả-quân chúng tôi làm Tổng-trấn Gia-định, có công to, chức to nhất-phẩm, có d r quyền-thế, việc Triều-chính, việc võ-bị, việc cai-trị trong dân-gian, tâu xin với vua Gia-Long hay cả với vua Minh-Mệnh về sau, có nhiều điều đã-lực, hưởng chi việc đắp đường thiên-lý, lòng đường chính vào ngôi tổ-mộ mà Tả-quân chúng tôi lại không quang-minh, chính-đại tâu xin để tránh xa ra được ư, mà cần gì phải mật sai con nuôi là Lê-văn-Khôi ra Bắc, ngấm nhò cái tiêu và cắm xa ra hơn hai trăm thước?

Lại do điều này, chúng tôi càng nghi rằng cái bia kia ghi-tạc sai hay là cụ lão nho mà bạn Tiên-Đàm hầu chuyện kia thuật lại sai. Dù sao cũng có một ngày chúng tôi sẽ thân đến làng Tê-lỗ trên Vĩnh-yên để xem tấm bia kia cho tường tận, cho sự khảo-cứu

Những người hào-hiệp (Tiếp theo trang 9)

giúp, đỡ cho các nhà mỹ thuật và nhà văn. Trái lại, Mạnh-thường-quân là ân-nhân của chung tất cả các giới chính-trị, ngoại-giao, văn học v.v... tóm lại, ông có lượng bao-dung cho khắp các hạng người, không luận là có tài hay không và ở vào giới nào cũng được.

Nếu có phải thế, thì không thể ví với Mécène được. Mécène là người La-Mã làm cố-văn cho vua Auguste, không rõ ngày sinh, chỉ biết mất năm thứ tám trước Thiên-Chúa. Binh-sinh có dự vào việc chính-trị và chiến-tranh; nhưng sau khi loạn-lạc đã yên, Mécène chỉ là một người bạn thân khuyên răn vua Auguste, không nhận chức tước gì cả. Người giàu-có, nhà cao vườn rộng biệt-thự nguy-nga, thường thường chơi thân với những văn-sĩ thi-sĩ, như Properce, Virgile, Horace, v.v. Các nhà văn-hào ấy ca-tụng Mécène trong văn thơ, vì thế Mécène mới nổi tiếng. Về sau người Âu-châu dùng chữ Mécène để chỉ những người bênh vực các nhà văn một cách sáng-lãng. Mécène tính nhũn-nhặn hoà-nhã, đối với bạn rất trung-thành, người lại thông-minh, có trí tình-nhuệ, thật là một nhân vật hệ-trọng trong «thế-bỷ Auguste».

Xem như thế thì không có một điều gì giống Mạnh-Thường-quân, họa chăng có giống là giống về hai bên cùng v ớn rộng n là giàu, còn ngoài ra thì hác nhau hết thảy: Mécène chiêu-tập những bạn văn sĩ thi-sĩ, khác hẳn Mạnh-Thường-quân thu nạp tất cả bọn

về lịch-sử và gốc-tích dòng dõi họ Lê chúng tôi được rành rõ thêm ra.

LÊ VĂN KIM

(Ngụ tại biệt-thự Phúc-ký, xóm chùa Liên, làng Bạch-mai, khu mới sáp nhập Hà-nội.)

có tội trốn-tránh; Mécène nổi tiếng vì những bài thơ hoặc câu thơ chép trong sách, khác hẳn Mạnh-Thường-quân vì có bọn gian-hùng mới thoát nạn.

Ông mình-dân viết trong cuốn sách rằng: «Mạnh-Thường-quân không đại-lượng, không bác-ái mà cũng không có cái đức rất làm thường là trọng-dãi nhân-tài (vì bất cứ hiền ngu, ông dung-tung cả cả). Nhưng không phải vì lẽ đó mà lịch-sử không phải dành riêng cho ông địa-vị vẻ-vang. Cái địa-vị ấy là «thủy-lũ tất cả các nhà chính trị «nịnh đời» của cổ, kim Âu Á».

Người Tàu nói khác. Tư mã Ôn-công bàn rằng: «Người quân-tử sở dĩ nuôi kẻ sĩ là vì dân. Đây Điền-Van nuôi người, không xét trí ngu, không chọn hay dở, tùm lợc vua để lập tư đảng, cầu hư-danh, tiền nhưn vua, dưới một dân ấy là người, gian hùng, không đáng kể».

Vương kinh-công nói rằng. «Đời đều khen Mạnh-Thường-quân được lòng kẻ sĩ, cho nên kẻ sĩ theo, mà rút cục lại nhờ cái sức của bọn khải án mới thoát được cái nạn hồ-lãng của Tần Ôi! Mạnh-Thường-quân chỉ là người gian-lùng trong đám giả-ga-gáy, ta ăn trộm mà thôi, không đáng kể. Nếu thật là người, được lòng kẻ sĩ thì không phải thế: đã có cái sức mạnh của Tề, mà lại được lòng kẻ sĩ thì có lẽ làm bá chủ mà át được Tần, chứ việc gì phải dùng đến cái sức của bọn giả-ga-gáy, tài ăn trộm! Những nhà mà đã chứa những người giả-ga-gáy, tài ăn trộm, thì kẻ sĩ giỏi không đến»

Ứng hoả NGUYỄN VĂN TỐ

TIỂU THUYẾT LỊCH-SỬ

CHẠY CUNG CHƯƠNG VÕ

Số 8

CHU-THIÊN

— Anh em trong cảnh dân gian lầm than thế này, mà những kẻ bề trên không biết thương, chỉ ham tranh giành lợi lộc quyền vị, thật là có tội nhiều lắm. Bần-phận chúng ta phải cưu vớt họ. Cứu vớt được trăm họ yên vui rồi cho có chết cũng cam tâm.

Vị Bộc Sạ và mấy viên vệ úy đều nói:

— Bẩm công-tử, lu hạ-chức xin hết sức gắng theo như ý công-tử mong mỏi.

Qua hết vùng đồng - bằng, đến miền rừng núi liên tiếp nhau: Núi Đông sơn, núi Trán-sơn, núi Tiểu Sơn, núi Lâm, núi Chè lôm ngòm như những con voi khổng lồ trên những rừng cây cỏ xanh um. Đoàn Văn và Thịnh-nguyên tranh nhớ đến năm xưa cũng trên đường ven rừng núi này, lúc gần tới, gặp cô hàng sên quấy đốt bỏ sợ sệt, xin cùng đi với hai chàng về Đông-sơn... cho đỡ sợ. Hồi tưởng lại cuộc gặp gỡ tự nhiên mà rồi san thành kỳ khôi, hai chàng liền vui vẻ lại ra roi phóng ngựa cho chóng đến kinh đô của vua Chương-võ.

Quả trưa, đoàn sứ bộ đến nơi, được các quan trong triều đón rước vào nghỉ ở quán « Viễn-duyet » ở ngay ngoài thành. Tòa quan này cũng đồ sộ nguy-nga, chung quanh có vườn, cây cối mát mẻ lối vào sạch sẽ, vua Chương võ lập lên để đón tiếp các khách và các sứ giả phương xa đến, vừa để cho khách nghỉ-ngơi, vừa kịp thì giờ vào bữa với vua trước. Cả đoàn sứ bộ yên nghỉ ăn uống vui vẻ. Đến chiều mới thấy một vị cao quan cùng hai vị quan hầu ra mời hai công-tử và quan Bộc sạ vào cung triều kiến. Ba

người liền theo mấy vị quan kia vào thành, qua cổng điện, giữa hai hàng lính vệ binh giơ kiếm chào, qua sân lên đến điện « Hiên chính ». Ở đây đông đủ các cao-quan đón chào. Nhưng vào đến nơi không thấy vua Chương võ mà chỉ có con gái ngài là Kim Vân công chúa, tự trên kỹ nhẹ nhàng bước xuống thướt-tha và tươi cười ra đón. Ba người cúi nghiêng mình thi lễ, Nương-tử cũng cúi đầu chào lại rồi tươi cười nói, tay chỉ ba cái ghế:

— Xin rước ba bậc thượng khách ngồi chơi.

Ba người vâng lời. Nàng cũng ngồi xuống nói tiếp:

— Đáng lẽ, tiện tỳ phải thân ra ngoài thành nghinh tiếp hai công tử và sứ-bộ mới phải. Ngặt vì Phụ-hoàng tiện-tỳ thân lên thành Xương minh hội họp với mấy vị đại hiệp bàn việc thiên-hạ, tiện tỳ phải cử ở lại coi thành, nên không tiện ra đón.

Công-tử Thịnh-nguyên thân mật đỡ lời:

— Như vậy, lũ tiểu-tướng được vào hầu một vị quyền nữ-vương mà không giữ đủ lễ, thật là đáng tội, xin bệ hạ cho lũ tiểu-tướng được phép ra bệ lạy và tung hô vạn tuế.

Kim Vân công-chúa cười phán:

— Công tử Thịnh-nguyên khéo nói mĩa, tiện tỳ thêm xấu hổ đã nói nhờ nhờ. Có phải thế không nhỉ Đoàn công-tử?

Đoàn văn đang mỉm cười, thấy hỏi liền vui vẻ đáp:

— Dạ! Thưa công chúa, tiểu-tướng đùa dâm mĩa mai ả. Tiểu-tướng đang bàng hoàng tiếc lần này lên đây không được gặp cô hàng sên

Đông sơn (1), thành thử cứ thần thờ thế nào ấy!

Kim-Vân công chúa cũng cười tiếp:

Công tử nhắc đến tiện-tỳ mới nghĩ ra rằng suốt hai năm nay, tiện tỳ vẫn nhớ hai chàng, bặt tư qua miền rừng năm nọ. Tiện tỳ chịu ơn hai chàng ấy mà mong mãi không gặp để đền ơn. Đành rằng người làm ơn không bao giờ cầu báo, nhưng kẻ chịu ơn lúc nào cũng phải canh-cánh bên lòng...

Đoàn-Văn vội đỡ lời rất lễ phép:

— Công chúa dạy vậy, khiến lũ tiểu tướng càng thêm xấu hổ, nghĩ đến rằng thấp mầu thua chí.

Kim-Vân cả cười tiếp:

— Thưa chí bọn đàn bà con gái có phải? Các công tử thật khéo đỡ tội cho tiện tỳ. Cũng như người ta thường buộc tội cho phụ hoàng tiện-tỳ, chỉ vì người ta ở xa không hiểu rõ...

Không để cho Kim-Vân nói hết, Thịnh-nguyên nói ngay:

— Thưa nương tử (2), nghe nương-tử nói, anh em tiểu-tướng lại chợt dạ thấy mình thấp cơ thua sòng-chúa rồi. Lần này anh em vâng mệnh phụ-vương sang sứ, cũng như lần trước vị quân-quốc đại-sự cử mà đã chẳng được hầu tiếp tử tế thì chớ, lại bị trách phủ đầu như vậy. Nhưng thưa nương-tử thực ra, chúng tôi thay mặt cả anh em hào kiệt miền Đông, đến đây đệ thư của phụ-vương, hỏi về cái thái độ lạ lùng của quý-quốc tự nhiên đi thân thiện với quân thù thật đấy! Một việc làm ảm mở như thế, chúng tôi có quyền nghi ngờ lắm. Nương-tử không nên trách chúng tôi mới phải.

Công-tử nói hàng-hồn lưu loát quá, làm cho Kim-Vân thêm hoảng sợ, ngấm-ngẫm một lát mới đáp lại :

— Tiễn-tỳ đâu dám trách hai công-tử. Tiễn-tỳ nói là nói người ta quá với thông trách phụ thân thiệp. Chứ thực ra nào có phải như vậy đâu.

Đoàn công-tử tiếp ngay :

— Cái dụng-ý của Tôn-nghiêm chưa thấy đâu, mà cái mối thân thuộc thì rõ-rệt ra đây, bảo người ta không ngờ sao được.

Kim-Vân cố giữ thái độ vui vẻ nói :

— Ấy ở xa chưa hiểu rõ nội tình của phụ-thân tiễn-tỳ mà cứ với chế trách ngay, là hay lắm như thế đấy. Phụ thân thiệp nhận lời họ Trần, chẳng qua dùng kế hoãn binh và nhân khi người ta thấy nhời hạ lễ đến cầu mình, mình nên lờ dụng lấy mai tướng kẻ lữ kế, đánh họ, có phải lợi không. Ấy phụ-thân thiệp nghĩ vậy nên mới ưng thuận lời họ Trần. Và cũng vì vậy, nên người với đi Xương giang họp bàn với các bạn đồng chí để định kỳ tiến thảo, ngay khi vừa làm lễ cưới xong. Hai chàng thấy đấy. Giá thực-tình với họ Trần, mẹ nữ sắc, thì người đã mãi vui với công-chúa tân-hôn, chứ đại gì mà giam ngăn công-chúa ở một phòng riêng biệt.

Kim-Vân ngừng lại như để thêm phần trịnh trọng cho lời nói của mình. Nhìn ba người rồi mới lại thẳng thắn nói :

— Mai, mai, phụ thân thiệp về tiếp truyện hai chàng, rồi hai chàng sẽ rõ. Bây giờ ta hãy xếp truyện ấy lại, xin trước ba vị sang bên trà thất, soi, cơm chiều, rồi nghỉ ngơi cho thanh-thơi, đợi ngày mai sẽ quyết định.

Đoàn-Văn liền cười nói :

— Vàng, thừa nương-tử, nương-tử đã ban-truyền như thế, chúng tôi xin tuân-mệnh, khách phương xa đến chủ nhân đã sẵn lòng cho ăn uống, chúng tôi đâu dám từ. Chỉ ước ao rằng sau khi đã trao đổi ý kiến, thỏa-thuận về mọi chỗ đi đồng, mà vẫn không trái lại với nghĩa lữ, thù chung, chúng tôi lại được thân-mật tự nhiên như trước, thì thật là hân hạnh cho chúng tôi lắm.

Kim-Vân mỉm cười :

— Ấy chính về phần tiễn-tỳ được hân hạnh vui mừng chứ. Nào xin mời ba vị sang.

Nàng đứng dậy trước, tươi cười mời một lượt nữa. Ba người liền cùng đứng lên theo nàng đi quanh ra phía tây điện đến trà thất. Ở đấy các vị quan cao cấp đã đông-đủ đón tiếp Kim-Vân và ba vị quý khách. Chia ngồi chủ khách, trên dưới ngồi vào liệc rượu xong ai nấy ăn uống ngon lành và nói cười vui vẻ.

Đêm hôm ấy, ba người nghỉ ở gác Hoa-đăng trong điện Hiến-chính, sau khi đã dự mọi cuộc ca hát tưng bừng với mọi vẻ đèn lồng sặc sỡ phở bày ở trên gác ấy.

(Còn nữa)

CHU-THIÊN

1) Lần đầu đi sứ, hai công-tử đã gặp Kim-Vân công-chúa giả làm cô hàng sên đón đường. Nguyễn-Nộn thường dùng kế ấy để thu dụng hào-khiết thiên-hạ (Xem «chia Ba thiên hạ»).

2) Hai chàng không công nhận sự xúng xể của Nguyễn-Nộn nên không gọi là công chúa.

SÁCH MỚI

1.) *L'Éducation militaire de Gia-Long* của Đại tướng Lemonnier là rõ những chiến công của vua Gia Long và giảng rõ những chiến pháp về thể kỷ thứ 18 cùng những trận võ công như trận đánh ở cửa bể Thị Nại.

2.) *Calmette* của bác sĩ Rivoalen, giáo sư trường thuốc, thuật cái đời về vang hi-sinh cho khoa học của nhà bác học Calmette, có chép việc tìm thuốc bài trừ bệnh lao vaccin BCG và cả vụ nghi án Lubeck đã làm sôi-nổi y giới hoàn cầu.

3.) *Salazar* của quan-lòa Foscant nói về thân thế và sự-nghịệp nhà chính trị và kinh tế Bồ đào nha đã làm cho nước ấy phục hưng và cứu-vãn tình hình tài chính.

Cả ba cuốn đều là những bài diễn thuyết do Tòa Báo chí Bắc kỳ xuất bản.

Bản chí xin trân trọng cảm tạ và vui lòng giới thiệu với độc giả ba tập văn có giá trị ấy.

T. D.

Đã có bán

SIÊU HÌNH HỌC

của NGUYỄN ĐÌNH THI

Một cuốn triết học nhập môn thật dễ hiểu nhưng không lười thường. Một cuốn triết học sử phác được rõ ràng cuộc tiến hóa của nền triết học phương Tây.

Sách dày 350 trang-khổ rộng trình bày mỹ thuật. Bìa họa sĩ Thùy chương

Giá 5\$00

NHÀ XUẤT BẢN TÂN VIỆT — 29 — Lamlot — Hanoi

Hãy đọc

HỌC THUYẾT FREUD

Giá 2\$50

Triết-lý về Vũ-trụ và Nhân-sinh — Giá 2\$30

PHẬT GIÁO

TRIẾT HỌC

của PHAN VĂN HÙM

(in lần thứ hai)

Đại lý nào chưa cho biết số sách lấy thêm xin kịp biên thư về

Những sách của thư xã
ALEXANDRE DE RHODES
ĐA XUẤT BẢN

KIM-VÂN-KIỀU, tome II (trọn bộ)
cả bản dịch Pháp-văn của NGUYỄN-VĂN-VĨNH
470 trang 17 X-24 tranh ảnh của MẠNH QUỲNH
bản thường 3\$00 — bản Vergé bouffant 8\$50

CHINH-PHỤ NGÂM

cả bản dịch Pháp - văn của BÙI-VĂN-LĂNG
120 trang 17 X 24 — tranh ảnh của MẠNH-QUỲNH
bản thường 1\$50 — bản Đại - La Impérial 5\$00
SẮP XUẤT BẢN

TRUYỆN TRẺ-EM của PERRAULT

(Contes de Perrault)

Pháp văn và Việt-văn đối-chiếu—Một giai phẩm
về nghệ in toàn tranh ảnh và bìa 4 màu

của MẠNH QUỲNH

150 trang kí ỡ album 22 X 32 gồm có 8 truyện
rất lý thú, đã làm vui các trẻ em thế giới từ 300
năm nay

bản thường 2\$50 bản giấy Đại La 12\$00
(cước phí như Chinh phụ ngâm)

Quyển Từ-diễn chuyên môn đầu tiên
trong kho sách quốc-văn.

VĂN-LIỆU TỪ ĐIỂN

của Long-Điền NGUYỄN VĂN MINH
Tựa của Cụ Đốc Ôn-Như NGUYỄN VĂN NGOC
« Đọc quốc-văn mà có hiểu những tiếng có điển
tích thì mới cảm thấy cái hay của quốc-văn.
Có cảm thấy cái hay ấy thì mới đề ý đến quốc-
văn và ưa chuộng quốc-văn. Nay tiên-sinh cha
xuất bản tập « Văn liệu Từ-diễn » giảng rõ
những tiếng dùng trong quốc-văn mà có điển
cổ, thật là một cái công lo với quốc-văn vì tập
sách ấy sẽ giúp ích cho người học quốc văn
một phần lớn ».

Trích thư của

Đốc học Nguyễn Quang Oanh

Sách dày ngót 400 trang khổ rộng 16 X 25

Giá bán lẻ có 5\$00

Mua một quyển, xin gửi tiền trước thêm
0\$70 cước phí đảm bảo, về :

Ô. Quảng-vạn-Thành

16, Phố Lê Lợi - HANOI

51, Doumer HAIPHONG

NHÀ XUẤT BẢN

HAO - QUANG

Trụ sở 62 Bonard Saigon

Giám đốc : ĐỖ NGỌC QUANG

15 Octobre 1943 sẽ phát hành

NHA NHO

tiểu thuyết của CHU THIÊN

Một thế hệ /
Một nhân vật /
và cả một linh hồn /

Giá : 4\$50

Tổng phát hành

HÀN - THUYỀN
71 Tien tsin Hanoi



đã có bán :

Tủ sách « TÂN VĂN HÓA »

TRIẾT HỌC LÀ GÌ?

của NGHIÊM-TU

HÀN THUYỀN

2\$50

ĐÃ PHÁT HÀNH

LUAN LY THỰC NGHIỆP

của LÊ VĂN SIÊU

2\$50

NGỖ HỀM

Một thế giới luộm thuộm, nhéo nhóc, ồn ào
kỳ dị với bao tấn kịch, hoặc vô cùng bi-ôát
hoặc quyết liệt hào hùng dưới ngòi bút mềm
môi, linh động của.

NGUYỄN ĐÌNH-LẬP

Sách giấy hơn 300 trang

3\$50

HÀN THUYỀN : 71 Tien Tsin Hanoi

REVUE TRI-TÂN: Autorisée par arrêté du 8 Février 1941 de M. Le Gouverneur Général

Directeur gérant : Nguyễn-Tường-Phượng

Imp. Tri-Tân 95—97 Chanceaulme, Hanoi